

THÀNH-KINH BẢO

NGÓ ĐỜI GẮM ĐẠO

NGÔI SAO VINH-HIỀN BAN HI-VỌNG

«Chúng ta đã thấy ngôi sao Ngài» (Ma 2:2)



KHI Đấng Christ giáng-sanh, lịch-sử nhơn-loại đương trải qua một thời-kỳ hắc-ám góm-ghê. Các nhà chép sử bóp đầu văt óc cũng không thể tìm đủ tiếng để tả đúng những tội-lỗi kinh-

khiếp tràn-lan khắp chốn và do sự sa-sút cực-diêm của các dân-tộc vẫn tự nhận là văn-minh. Trong thời-dại hung-ác ấy, họ rất tham-hổ quyền-thế, khoe-khoang về sự chiến-tranh, đồ máu, tàn-bạo cùng là cướp-bóc. Họ khinh-dễ chơn-lý, công-bình, nhơn-tử và bác-ái vì cho là vô-hiệu.

Ngước đầu ngắm sao sáng-chói

TIA sáng vút phát ra giữa đêm tối-lắm góm-ghiếc. Kia, ngôi sao chói-lói hiển-hiện trên trời, và dường như lừ-lừ hạ xuống trần-gian! Ba bác-sĩ khát-khao Đức Chúa Trời thấy hiện-tượng phi-thường đó, nghe tiếng Chúa phán-dạy trong lòng mình, bèn lần theo ngôi sao đến tận thành Bết-lê-hem. Sao dừng lại trên chuồng bò, là nơi Con Đấng Chí-cao nằm trong máng cỏ hèn-hạ, thì ba bác-sĩ qui

xuống, thờ-lạy và dâng vàng, nhũ-hương, và một-được cho Con Trẻ.

Sao Chúa làm lặn sao người

CHÚNG ta chẳng còn thấy ngôi sao ở Bết-lê-hem chói-lói trên bầu trời muôn trượng; nhưng bởi đức-tin, chúng ta có thể thấy Đấng được ngôi

sao đó châu-chực và làm hình-bóng. Trải qua mười chín thế-kỷ, ánh sáng Ngài chiếu-rọi, càng ngày càng rực-rỡ, đẹp sạch bóng tối-lắm thiêng-liêng bấy lâu vẫn phủ kín linh-hồn nhơn-loại. Ngày nay trong trường chánh-trị, tôn-giáo, ta thấy hiển-hiện rất nhiều «ngôi sao», như Mussolini,

Hitler, Gandhi, vân vân, là những người đương được quần-chúng theo gót. Nhưng họ chỉ là đóm lửa mau tàn, chẳng dẫn ta đến Đức Chúa Trời, hoặc cho lòng ta được bình-an. Chỉ có ngôi Sao của Đức Chúa Jêsus dẫn ta đến Đức Chúa Trời.

Rọi sáng đưa người đến Chúa

ĐẦU trông đẹp-đẽ, ngôi sao Bết-lê-hem cũng chỉ quan-trọng vì dẫn đường đến Chúa. Làm xong chức-vụ, nó chẳng còn được Kinh-Thánh chép

SAO NGÀI!

SAO Ngài đẹp lạ-lùng khôn xiết!

Kẻ thấy SAO, hiểu-biết ý mầu,

Đến qui trước máng cỏ khâu,

Thờ Ngài, là Chúa đứng đầu cần-khôn.

Người phạm-tục, mắt hồn mờ-tối,

Không thấy SAO Ngài rọi trời thanh,

Cứ đi rờ-rẫm, loanh-quanh,

Lầm-than, tuyệt-vọng, u-minh, thăm-sâu.

SAO Ngài sáng, càng lâu càng sáng,

Chẳng như luồng chớp-p-nhoáng vụt qua,

Chẳng hề thay-đổi như ta.

Chiếu danh Ngài khắp gần xa muôn đời.

SAO Ngài vẫn trong ngời, chói-rạng,

Đuổi tối-tăm tiêu-tán sạch trơn,

Hỡi ai than khốc, nao-sồn,

Ngước đầu lên, nhận-lãnh ơn sâu-dày!

—T. K. B. dịch.

lời nữa, nhưng chìm trong cõi tối-tăm. Loài người sanh, sống và chết như vậy đó. Song phước thay cho những kẻ biết rọi ánh sáng phù-du qua bóng tối-tăm để giúp nhiều linh-hồn hư-mất tìm được Đức Chúa Jê-sus-Christ, là «Mặt Trời Công-bình,» «Sự Sáng

của thế-gian,» và «Ánh sáng của sự sống!» Như vậy, ánh sáng của họ không hề tàn, sự sống của họ không hề chết, thật như tiên-tri Đa-ni-ên đã nói rằng: «Những kẻ dắt-dem nhiều người về sự công-bình sẽ sáng-láng như các ngôi sao đời đời mãi mãi.»

ĐÊM KHUYA VANG KHÚC TIN-LÀNH

«Vinh-hiến thay cho Đức Chúa Trời ở nơi chí-cao !

Bình-an dưới đất, ân-trạch cho loài người !»

BẢN áo rực-rỡ, muôn vàn thiên-binh cất tiếng hát bài ngợi-khen, vui-mừng, rập-ràng vang-dậy trời đất. Chiu nổi quanh-hiu, mấy mục-tử thức giữ bấy chiến ở đồng-bằng xứ Giu-đa, bỗng đầy lòng sợ-hãi, thỏa-mãn, cung-kính, hớn-hở vì thiên-dàng giáng xuống trần-gian trong đêm tịch-mịch, thánh-khiết, lâu đời đó. Hiệp-lý thay, Thiên-dàng trỗi những khúc nhạc thánh-thót vô-cùng, vì Con Đức Chúa Trời mới trở nên người sanh bởi một vị nữ-đồng-trinh ! Bấy giờ mọi dự-ngôn của các thánh thuở xưa được ứng-nghiem, mọi hi-vọng của nhơn-loại trầm-luân, khốn-khổ được thành-tựu, Tử-thần bị đánh-đổ. Địa-ngục bị chiến-thắng. Mặt Trời Công-bình, tức là Jê-sus-Christ, Chúa chúng ta, mọc lên, tỏa ánh sáng chói-lòa, trong-trẻo của thiên-dàng, đuổi tan bóng mờ-mịt, tối-tăm của tội-lỗi.

Dâng lòng làm ngôi Thánh-Chúa

THÁI-ĐỘ loài người đối với ý-chỉ Đức Chúa Trời luôn luôn có ảnh-hưởng đến tình-hình thế-giới. Nếu tôn-vinh và vâng-phục Ngài, họ bèn được hòa-bình, thanh-vượng ; trái lại, nếu họ đuổi theo tội-lỗi nhuốc-nhơ mà làm nhục Ngài, thì cơn tai-biến, khốn-cực sẽ đổ trên đầu họ. «**Vinh thay cho Đức Chúa Trời ở nơi chí-cao !**» Bất luận khi nào loài người để Đức Chúa Trời đứng đầu đời mình, kính-mến và vâng lời Ngài cực-diêm, tìm sự vinh-hiến của Ngài, chớ không tìm sự thỏa-mãn riêng của mình, thì Ngài lập-tức mở cửa hết các kho vô-tận trên

trời và dốc đổ mọi thứ phước lành trên họ. Đức Chúa Trời muốn loài người dâng vinh-hiến cho Ngài, đó là một chơn-ly phi-thường ! Mặt hồ phẳng-lặng mùa hạ phản-chiếu vinh-quang của vầng thái-dương đẹp-đẽ đương lặn thề nào, thì tâm-hồn bình-an và đời sống thánh-khiết của tín-đồ cũng phải phản-chiếu sự vinh-hiến và yêu-thương khôn tả của Đức Chúa Trời thề ấy.

Trừ chiến-tranh, ban hòa-bình

«**B**ÌNH-AN dưới đất, ân-trạch cho loài người !» Phục-hòa và thông-công với Đức Chúa Trời, đó là điều-kiện cần nhứt để được bình-an thật. Đức Chúa Trời là Đấng Hòa-bình, nên Ngài muốn loài người Ngài đã tạo-thành phải ăn-ở hòa-bình với Ngài và với nhau. Hiện-thời loài người dễ nói về chiến-tranh, chiến-thắng và chiến-công, song quên lửng những sự đổ máu, sầu-thảm, hồ-thẹn, những tấm lòng tan-vỡ của kẻ cô-sương, và những cuộc đời hư-hại, là hiệu-quả cố-nhiên của chiến-tranh. Đấng Christ, Chúa Hòa-bình, đã đến trừ-khử tội-lỗi, căm-hờn và chiến-tranh trước nhứt khỏi lòng nhơn-loại, và sau nữa khỏi thế-giới. Ngoài Ngài, chẳng có hòa-bình hoặc hạnh-phước trường-cửu. Chúng ta hãy ngợi-khen, kính-trọng, thờ-lạy và tôn-sùng Con Trẻ thành Bết-lê-hem, là Đấng đã khiến ta phục-hòa với Đức Chúa Trời và hiện nay cho ta được bình-an, cứu-rỗi.
—T. K. B.



ĐỪNG SỢ CHI!

(Lu-ca 2: 10)

MỤC-SƯ ÔNG-VĂN-HUYỀN, GIÁO-SƯ TRƯỜNG KINH-THÁNH, TOURANE

GIỮA lúc trời quang mây tạnh, con thuyền đang vượt bể êm-lềm, bỗng gặp một trận đông-tổ khác thường, ào ào nước lộn, âm âm sóng xao, cảnh-ngộ ấy, thử hỏi ai người không sợ? Dầu các tay thủy-thủ thạo nghề quen nước đến đâu, cũng phải hồn lạc phách xiêu, mặt tan lòng rối. Thế mà, thoát nghe tiếng êm-dịu sẽ bảo: **Đừng sợ chi**, tức-thì theo ba tiếng ấy, cảnh-ngộ cũng đổi hẳn, thay cho hiểm-tượng ghê-sợ nói trên, được thấy toàn một vùng lặng-lẽ sáng choang, lại nghe tiếng reo hát vang-lừng. Cái vui ấy mới lạ-lùng, mà cái cảnh ấy cũng hiểm-hoi.

Chắc có kẻ hỏi: «Ừa! Cảnh đâu có cảnh lạ đường?»—Độc-giả không tin à! Chớ vội cho là chuyện hão. Hãy giở quyển Tân-Uớc, Tin-Lành Lu-ca, đọc đoạn 2: 1-20 đi. Rồi dưới đây tôi sẽ chỉ cho độc-giả cái cảnh đáng ghê-sợ mà bấy lâu độc-giả vẫn yên trí rằng bình-tĩnh; và cũng không nệ đức-kém tài hèn, dám xin đưa độc-giả ra khỏi cảnh ấy, bước vào cảnh bình-yên chơn-chánh có thực-nghiệm, có bảo-đảm, bởi cậy sức và ơn của Đấng còn đương phán êm-dịu cùng quý độc-giả cũng bằng ba tiếng: **«Đừng sợ chi.»**

I.—Cảnh đời chưa đáng sợ.—Sợ là một tánh chung, mỗi người đều có.

Song sự sợ vẫn không đồng: Kẻ thiếu cơm sợ đói, người thiếu áo sợ lạnh, lũ trộm-cướp sợ dân tuần, bọn ăn lót sợ lính kín, kẻ đánh cá ngoài khơi sợ xà mạp, người hái củi trên núi sợ cọp

beo, đứa tiểu-nhơn sợ mất miếng ăn, người quân-tử sợ mất lễ phải, có kẻ sợ làn súng đạn, có người sợ lượng khoan-nhơn. Đó là những cảnh riêng cho mỗi người. Còn hiện ở vào cuối thế-kỷ hai mươi này, kinh-tế khó-khăn, quốc-tế ngờ-vực, ôi thôi, trò đời cứ phô-diễn theo lối mới, khiến toàn-thể nhơn-loại biết bao mỗi sợ! Các tay kinh-tế có sạn, ngoại-giao có nanh đều đương bắn trống chiến.

Kẻ nghèo, yếu, dốt, sợ đã đành; mà người giàu, mạnh, khôn lại càng sợ hơn. Cảnh sợ ấy tuy đáng sợ thật, nhưng chưa hẳn là cảnh sợ không thể vãn-hồi, không ngày bình-phục, đành chịu nhắm mắt, đưa chôn, mặc kệ trái đất xoay-vần, thời-gian đưa-dẩy dàu.

Ngạn-ngữ có câu: «Sông có khúc, người có lúc.» Lẽ thường trong thiên-hạ xưa nay, bỉ, thái là hai anh em ruột cùng đời cứ sống, thay-đổi nhau mà ần, hiện. Hễ trời có nắng mưa, thì đời có trị, loạn. Thử xem, thì-giờ trong một ngày đêm, vồn-vẹn có 24 tiếng đồng-hồ, mà quang-cảnh cũng



Mục-sư Ông-văn-Huyền

nhiều thay-đổi, huống chi cái thời-gian dài đằng-dằng kia! Trên lịch-sử nhơn-loại đông tây xưa nay cũng đủ minh-chứng. Nhà truyền-đạo có nói: «Đều chi đã có, ấy là đều sẽ có; đều gì đã làm, ấy là đều sẽ làm nữa; chẳng có đều gì mới ở dưới mặt trời. Nếu có vật chi mà người ta nói rằng: Hãy xem cái này mới, vật ấy thật đã có rồi trong các đời trước ta» (Truyền-đạo 1: 9-10). Vả lại, một ngày kia sẽ «thấy trời mới và đất mới; vì trời thứ nhứt và đất thứ nhứt đã biến đi mất, và biển cũng không còn nữa» (Khải-huyền 21: 1). Như vậy thì cảnh đời cũng chưa đủ sợ. Huống chi ta cũng không thể nổi tóc sống đời, thì sau khi ta đã trở nên người thiên-cổ, dầu có chi chi đi nữa, cũng chẳng biết chi mà nói sợ được. Thế là cảnh đời lại là cảnh thấy thật chưa đáng sợ. Phương chi những bậc thánh-nhơn hiền-triết của đời cũng tỏ ý không sợ đời kia mà. Kẻ đời trị thì ra, đời loạn thì ẩn; người lại trị loạn cũng cứ ra. Đối với cảnh đời, họ hẳn không sợ.

Duy có một cảnh rất đáng sợ. Thiết tưởng đông tây xưa nay, không cứ khôn, dại, giàu, nghèo, sang, hèn, văn-minh hay dã-man, nếu chịu suy-nghĩ một chút, ắt người người đều phải đem lòng sợ-sệt. Thế mà hiện một phần rất đông trong nhơn-loại không nghĩ đến, cứ mãi sống say mà không tự-tỉnh! Dưới đây tôi xin nói rõ-ràng.

II.—Cảnh lòng người thật ghê-sợ.—Đông-triết xưa đã phải nhận: «Lòng người ta rất hiểm-nghèo» (Nhơn-tâm duy nguy). Thật, những cảnh thâm-đạm, chỉ nghe qua cũng phải rùng mình sởn gáy, hằng xảy ra trong xã-hội, quốc-tế xưa nay, khiến biết bao non sông vô-tội, cảnh-vật hữu-tình chịu lắm nỗi tang-thương hiện còn dấu-vết, xét kỹ đều do lòng người mà ra cả. Hiền xưa từng than: «Chim bay trên trời, tuy cao cũng có thể bắn xuống, cá lặn đáy nước, tuy sâu cũng có thể câu lên, chớ lòng

người gang-tắc không thể dò-lường được.» Lại rằng: «Biết người, biết mặt, khôn biết lòng.» Còn Kinh-Thánh quả-quyết rằng: «Lòng người ta là đối-trá hơn mọi vật, và rất xấu-xa, ai có thể biết được?» (Giê-rê-mi 17: 9). Ôi! Đáng sợ thay cho lòng người!

Chắc có kẻ hỏi: «Lòng người vì dầu nên nổi?» Cái đó không đợi học nhiều mới trả lời được: **«Tội!»** Ai dám cả gan nói mình vô-tội? Nếu có, thì chỉ là kẻ dối mình gạt người cách liêu-lĩnh vô-ý-thức đó thôi. Kia, các nhà hiền-giả đông tây đều đã cúi đầu thú-phục! Nhà triết-học *Sénèque* (La-mã) luận rằng: «Chúng ta thấy đều đã phạm tội, người nhiều kẻ ít.» Nhà thi-nhơn và triết-học *Goethe* (Đức) thú rằng: «Tôi chẳng thấy lầm-lỗi gì trong kẻ khác mà chính mình tôi không phạm được.» Tục-ngữ Tàu có câu: «Chỉ có hai người vô-tội: một người đã chết rồi, còn người kia chưa sanh ra.» Ông Khổng-Tử trước khi từ-trần cũng từng than-thở: «Trời thêm cho ta vài năm nữa để học kinh Dịch, mới khỏi sự sai-lầm lớn.» Còn Kinh-Thánh lại càng chứng rõ hơn nữa: «Cho nên như bởi một người mà tội-lỗi vào trong thế-gian, lại bởi tội-lỗi mà có sự chết, thì sự chết đã trải qua trên hết thấy mọi người như vậy, vì mọi người đều phạm tội...» (Rô-ma 5: 12). Lại rằng: «Vì mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh-hiến của Đức Chúa Trời» (Rô-ma 3: 23), và: «Chúng ta thấy đều như chiên đi lạc, ai theo đường nầy» (Ê-sai 53: 6).

Thật, cõi lòng gang-tắc mà vẫn chứa đủ mọi sự xấu-xa đáng ghê-sợ của cả địa-ngục; địa-ngục cũng vì nó mà sẵn dành đủ mọi cảnh sầu-não bi-ai không ngần (Lu-ca 16: 23-24; Khải-huyền 20: 10, 14).

Thưa độc-giả, hỏi lòng đi: «Lòng hỏi lòng! Trong mây có thiếu sự xấu-xa của địa-ngục không? Trong mây có đủ chất độc, độc khôn thể tả, nguồn

của hơi ngạt, trái phá cực-độc, sẵn-sàng để xô-âm thế-giới vào hố thăm vực sâu không đáy không?» Ước chi mỗi lòng người trên toàn-cầu đều mở ra, gom lại một chỗ, thì tưởng muôn vật cũng phải chạy trốn, đá cũng phải kêu, cây cũng phải né. Thừa độc-giả, thấy chưa? Kìa kìa, cảnh ghê-sợ lạ-lùng khôn xiết kể đương phô-diễn dưới con mắt ông, và chính trong lòng ông đó!

Cái cảnh sợ-hãi của bọn chần chiên gặp đời xưa (Lu-ca 2:8-9) đó là một cảnh sợ chỉ vì quá trí của họ, vì lạ thường, còn được sự an-ủi, hay còn có thể chạy tránh. Nhưng cảnh ghê-sợ trong mỗi người như tôi vừa mới vẽ qua trên đây thật không có sự an-ủi gì mà cũng không sao tránh khỏi, dầu có đào núi mà chun xuống cũng không sao thoát được, đi đâu cũng phải mang nó theo mà thôi. Các nhà khoa-học phát-minh này nọ gì gì đến đâu, đối với nó cũng chỉ phát được một nụ cười chua lè đáng ngất là cùng. Ôi, còn chi đáng sợ hơn cảnh lòng? Thất-vọng, rõ thất-vọng! Ừ mà may làm sao! Kìa:

III.—Đức Chúa Jêsus đã giảng-sanh, làm cho cảnh đáng sợ ấy trở nên một cảnh vui lạ.—May làm sao, cái may chưa từng có! Đương lúc khiếp-sợ lạ-lùng ở trước cái cảnh đáng sợ kia, thoát nghe tiếng êm-dịu: **«Đừng sợ chi,»** rồi tiếp nghe: «Vì này, ta báo cho các người một Tin-Lành, sẽ là một sự vui-mừng lớn cho muôn dân; ấy là hôm nay tại thành Đa-vít đã sanh cho các người một Đấng Cứu-thế, là **Christ**, là **Chúa**. Này là dấu các người nhìn-nhận Ngài: Các người sẽ gặp một Con Trẻ bọc bằng khăn, nằm trong máng cỏ. Bỗng-chức có muôn-vàn thiên-binh với thiên-sứ đó ngợi-khen Đức Chúa Trời rằng: Sáng danh Chúa trên các tầng trời rất cao, **bình-an dưới đất, ân-trạch cho loài người!**» Nghe câu ấy đoạn, sự sợ liền tiêu-tan, bọn chần

chiên kia bảo nhau đi đến Bết-lê-hem xem Đấng mà thiên-sứ vừa mới báo cho họ. Khi đã xem thấy quả như lời, vui-mừng khắp-khởi, «bọn chần chiên trở về, làm sáng danh và ngợi-khen Đức Chúa Trời về mọi điều mình đã nghe và thấy y như lời đã báo trước cùng mình.» Rồi về sau «Đức Chúa **Jêsus** khôn-ngoa càng thêm, thân-hình càng lớn, càng được đẹp lòng Đức Chúa Trời và người ta» (Lu-ca 2:52).

Phước dầu có phước diệu-kỳ, càng nghĩ càng diệu! Đáng vốn vinh-hiến vô-thượng trên trời mà đành chịu sanh ra nơi máng cỏ chuồng chiên cách rất đê-hèn. Sanh ra chưa bao ngày tháng, Ngài đã phải chịu âm-bồng đem đi trốn nạn khốc-nghiệt của bạo-quân Hê-rốt cách rất vất-vả. Ngài chịu dưỡng-dục trong một xóm rất hèn-hạ, quả như lời tiên-tri đã chép: «Người đã lớn lên trước mặt Ngài như một cái chồi, như cái rễ ra từ đất khô... Người đã bị người ta khinh-dễ và chán-bỏ, từng-trải sự buồn-bực, biết sự đau-ốm, bị khinh như kẻ mà người ta che mặt chẳng thèm xem; chúng ta cũng chẳng coi người ra gì» (Ê-sai 53:2-3). Dầu vậy, ao hồ bần-thiểu nọ, bùn tanh đến đâu đi nữa, cũng không làm mất mùi thơm vẻ đẹp của hoa sen độc-nhút kia được. Trái lại, Ngài cũng là «đệ nhút trong muôn người.»

Cái lạ nào cho bằng cái lạ này: Sanh ra giữa đời tội, lớn lên giữa đời tội, những sự tai nghe mắt thấy hằng ngày đều là tội, mà một mình vẫn giữ được giá trắng gương trong, đến nỗi toàn bọn thù-nghịch «thồi lòng tìm vít» cũng phải ngậm miệng trước câu đố-thách quả-quyết: «Trong các người có ai bắt Ta thú tội được chẳng?» (Giăng 8:46). Bởi vậy, ba năm hành chức ở thế-gian xưa, Ngài đã giải-cứ được biết bao nhiêu người ra khỏi lăm cảnh sợ: nào là kẻ điếc được nghe, câm được nói, phung được sạch, quỷ ám được khỏi, và chết cũng được sống

lại. Sau khi đã chiến-thắng mọi tội-lỗi cho cả thiên-hạ trên thập-tự-giá, bẻ gãy xiềng-xích của ma-quỉ và nọc của sự chết mà ra khỏi mồ-mả rồi, Ngài đã nhờ Đức Thánh-Linh lấy quyền-phép sự sống không hay hư hay hết mà đổi được biết bao nhiêu cảnh lòng đáng ghê-sợ lạ-lùng như đã nói ở trên trở nên những cảnh lòng hạnh-phước vui-vẻ rất mực.

Chúng cho thực-sự ấy, không thể dùng giấy mực nào mà tả cho xiết, chỉ nhắc lại một lời của nhà cự-phách Sứ-đồ Phao-lô xưa đã đồng-dạy tự chứng rằng: «Khi tôi muốn làm đều lành, thì đều dữ dánh-dấp theo tôi... Khốn-nạn cho tôi! Ai sẽ cứu tôi khỏi thân-thể hay chết này? Cảm-tạ Đức Chúa Trời, nhờ Đức Chúa Jê-sus-Christ, là Chúa chúng ta!» (Rô-ma 7: 21-25). Đường ấy, trước cảnh lòng đáng ghê-sợ lạ-lùng tội vời kia, nay khắp năm châu đều có tiếng không phải là của thiên-sứ nữa, bèn là tiếng của kẻ kinh-nghiệm đạo sự sống của Đức Chúa Jê-sus-Christ, là Đấng đã giáng-sanh ngày xưa, còn kỷ-niệm tháng này hôm nay, đương bá-cáo có bảo-dảm rằng: «**Đừng sợ chi.**» Nay, «hãy tin Đức Chúa Jê-sus, thì người và cả nhà đều sẽ được cứu-rỗi» (Sứ-đồ 16: 31). Chính là được Ngài cứu-rỗi khỏi cảnh lòng ghê-gớm kia và cho được hưởng **sự sống đời đời** vinh-hiền vô-tận vậy.

Thưa độc-giả, ở cái đời đẹp-đẽ mà

vời, giàu-sang mây nổi mà ai cũng muốn sống vui sống sướng nầy, đừng nói đến những cảnh nhà đá (khám tù), cơm đen (cơm tù) làm chi, chỉ nói đến những vị quan-lại, những viên giáo-học bị đày đến những cảnh nguồn cao nước độc, còn khô cỏ cháy, thì đã than khổ rồi, đến nỗi ngày đêm trông sao cho mau có lệnh đổi-bỏ chỗ khác, coi một ngày dài bằng một năm. Ôi, cái tiểu-thể (xác-thịt) còn biết như vậy, mà cái đại-thể (linh-hồn) lại bỏ qua sao đành! Kia, vô-linh như loài chim, loài kiến, mà còn biết làm tổ, đào hang để đề-phòng lúc mưa gió. Ta là người linh hơn mọi vật, thì phải làm sao chứ! Nỡ nào cứ giữ sự bình-yên quan-tài, rồi một ngày kia thành-linh thần Chết nó đến một cái đập, rồi đành làm con ma buồn-thảm vô-tận? Ôi, cảnh địa-ngục không thiếu vẻ ghê-sợ mà! Cần chi ai phải cứ như say như mê để dự-bị thêm cho lò lửa vĩnh-khốc ấy một nhiên-liệu bất-diệt nữa! Hãy nghe lời Đức Chúa Jê-sus phán và mau ăn-năn đi: «Hãy đến cùng Ta, Ta sẽ cho các người được yên-nghỉ» (Ma-thi-ơ 11: 28).

Người không tánh sợ ấy người lì,
Sợ nhảm, sợ xằng, sợ kẻ chi!
Cuộc thế đảo-diên chưa mấy sợ,
Lòng người nham-hiềm mới ly-kỳ.
Muôn ngàn tấn sợ ra từ đấy,
Ước triệu tuồng ghê diễn mọi thì.
Chúa xuống phá tan lòng sợ ấy,
Tin thì được cứu, sợ làm gì?

PHƯƠNG CỨU NGƯỜI HÈN-YẾU

ĐẤNG Christ đã đến một thế-giới thành-nhơn, tại đó con trẻ mất sản-nghiệp; đã đến một thế-giới của đờn-ông, tại đó đờn-bà mất sản-nghiệp; đã đến một thế-giới thờ-lạy Ma-môn, tại đó kẻ nghèo bị ức-hiếp và kẻ giàu mất linh-hồn. Tin-Lành về sự yêu-thương và ân-diễn của Đấng Christ được rao-giảng và tiếp-nhận ở nơi nào, thì con trẻ được lại sản-nghiệp,

đờn-bà được giải-phóng, và của-cải được dâng cho Đức Chúa Trời để làm những công-cuộc tốt-lành.

Nhưng thế-gian và các bần-vị của thế-gian vẫn không thay-đổi. Vẫn có «sự mê-tham của xác-thịt, mê-tham của mắt, và sự kiêu-ngạo của đời» (I Giăng 2: 16). Tội-lỗi khắp thế-giới gồm trong ba điều nầy: Tình-dục, tiền-bạc và bần-ngã.—*T. K. B. dịch.*

THI-CA KỶ-NIỆM NGÀY CHÚA GIÁNG-SANH

MỤC-SƯ PHAN-ĐÌNH-LIỆU

«Người sẽ sanh một trai, người khá đặt tên Ngài là JÊSUS, vì Ngài sẽ cứu dân mình ra khỏi tội» (Ma-thi-ơ 1: 21)

Nguyên-tổ sa-ngã

Đức Chúa Trời dựng nên nguyên-tổ,
Đặt ông bà ở chỗ lạc-viên,
Tánh-tinh vui-vẻ thiện-hiền.
Chúa Trời ra lệnh dạy-khuyên hai người:

«Những hoa-quả phú người mỗi thứ,
Cây biết lành, biết dữ đừng ăn.
Nếu người trái lệnh làm xằng,
Thì người sẽ chết vì ăn quả này.»

Quỉ nhập rần, tới đây cám-dỗ,
Phá luật Trời, đánh đổ đời lành.
Hái ăn quả biết dữ, lành,
Ông bà từ đó tâm-tinh đổi-thay.

Cora nhứt-mộ lá bay, gió thổi,
Chúa dạo vườn, phán hỏi, minh-tra.
Hỏi ông, ông đồ cho bà,
Hỏi bà, bà nói: «Rắn đà dụ tôi.»

Thượng-Đế tuyên án

Giê-hô-va dùng lời thăm-đoán :
«Đất vì người sanh-sản gai-chông,
Làm cho mỗi sức, nhọc công,
Mới tìm ra vật ngoài đồng mà ăn.
Khi sanh-đẻ, nhọc-nhắn, khổn-khó,
Phận đờn-bà ai đó phải mang.
Nguyên sanh người bởi đất vàng,
Chết tiêu thành đất, lại hoàn như xưa.»

Bởi nguyên-tổ tánh ưa phạm tội,
Con-cháu mang nhiều nỗi gian-truân.
Trăm năm trong cõi hồng-trần,
Làm tôi ma-quỉ, tẩm thân dọa-đầy.
Thương-hại nỗi đến ngày mãn số,
Linh-hồn về ở chỗ Âm-cung.
Kim-sanh bội Đấng chí-tông,
Lai-sanh phải đến ngục-trung thọ-hình.

Cứu-Chúa giáng-sanh

Thương nhưn-thể hồn-linh ngư-ngáo,
Nên Chúa Trời mở đạo Tin-Lành.
Bết-lê-hem lúc đêm thanh,
Ở nơi máng cỏ, giáng-sanh Ngôi-lời.
Chấn chiên thấy từng trời chói-rạng.
Cả mấy người vía hoảng, hồn kinh.
Trên trời nghe tiếng thiên-binh,
Hát bài thơ thánh tôn-vinh danh Ngài.

Mừng JÊSUS giáng-lai trần-thế,
Cứu loài người thoát bể luân-vương.
Có ba bác-sĩ đông-phương
Lần theo tinh-đầu, băng sương đi tìm.
Nhũ-hương với huỳnh-kim, một-được,
Lạy Chúa Trời, ban phước chúng-sanh.
Mừng thay, dưới đất yên-ninh,
Trên trời danh rạng, dân-tinh ngợi-ca!

Phương-lược cứu-rỗi

Đến lúc Chúa ba mươi ba tuổi,
Lũ cừu-nhơn đánh-đuổi bắt Ngài.
Đầu cam đội mào bằng gai,
Đóng đinh thập-tự, bao nài nhục-nha!
Bỏ mạng máu, Chúa ta nào tiếc,
Tay chơn Ngài giọt huyết lãng-lai.
Chúa ơi, Chúa chết vì ai?
Vì tôi có tội nên Ngài chịu đau.

Kia, đỉnh núi Độc-lâu còn đó,
Bóng tà-dương, vùng cỏ xanh xanh!
Ta nguyện sửa-soạn tâm-linh,
Dâng làm lễ thánh tôn-vinh danh Ngài.
Này, kỷ-niệm, hỡi ai tin-giáo!
Lúc đêm thanh, sứ báo Tin-Lành,
Là đêm Con Thánh giáng-sanh,
Cứu ta thoát khỏi tội-tình tương-lai.

Muôn vật ngợi-khen

Gió bắt nhịp, thổi bài ca thánh,
Chim reo mừng, đập cánh ngâm thơ,
Cỏ-cây đơm cảnh, dựng cờ,
Trăng, sao rọi đuốc mừng giờ Nô-ên.
Sông cùng núi thêu nên bức họa,
Biển năm châu hỉ-hả chúc chào,
Sương mưa rót chén bồ-đào,
Bầu trời đốt pháo ào-ào tiếng đông.

Cả muôn vật khen ông Chủ-tể,
Cõi thiên-nhiên dâng lễ chúc-mừng.
Mừng nay thiên-hạ muôn dân,
Nhờ ơn Chúa Thánh, tội trần được tha.

Thắng ma-quỉ cho ta hạnh-phúc,
Lòng dễ quên tụng-chúc danh Ngài!
Ngày hăm lăm, tháng mười hai,
Đồng-thinh kỷ-niệm một bài thi-ca.



NAM-KỶ

Cảm tẩm thanh-tình.—Cụ Ngô-thị-Kịch, 82 tuổi, tin-đồ chi-hội An-hóa, đau rất nguy nhưng được Chúa chữa lành. Để tỏ lòng biết ơn Chúa, cụ gửi giúp Thánh-Kinh Báo 1\$00. Bồn-báo xin cảm ơn cụ, và cầu Chúa ban cho cụ mọi phước thiên-thượng trong lúc tuổi già.—*T. K. B.*

Bắc-liêu, Vinh-trạch.—Đáp lại lời vợ chồng tôi và con cầu-nguyện hơn một năm, Chúa cho chúng tôi trở bước thăm quê-hương, cả đi và về hết 50 ngày. Trong khoảng ấy có mấy anh em trong Hội-Thánh lo công-việc thay tôi. Khi về, chúng tôi thấy Hội-Thánh vẫn bình-yên, và có thêm 4 người tin Chúa. Cảm ơn Chúa!

Hơn một năm nay, Hội **Trà-cuôn** không giảng được, song Đức Thánh-Linh đã thúc-giục Quách-Sến mới tin Chúa, liền đem lễ thật làm chứng trong làng này và mấy làng bâng-cận.—*Phan-dình-Liệu.*

Sốc-trắng.—Hội chúng tôi gặp cơn túng-thiếu, song được ơn Chúa, ông Trần-bình-Hậu dâng tiền mua một cái nhà gần trại lính làm nhà giảng. Nhờ Chúa, đời thiêng-liêng của anh em được phấn-hưng, có mấy anh chị hứa dâng phần mười, và cũng lập tiểu-ban truyền-đạo để rao Tin-Lành khắp cả hạt Sốc-trắng. A-lê-lu-gia! —*Ban Trị-sự.*

Sốc-sải.—Bà Nguyễn-thị-Tòng, ở làng An-hiệp, đau mắt rất nguy-hiểm. Chạy thuốc-thang, tốn-kém nhiều mà vẫn vô-hiệu. Sau bà nhờ Đức Chúa Jê-sus là Thầy thuốc đại-tài, và hết lòng cầu-nguyện, nên mắt bà đã được lành. Cảm ơn Chúa!—*Thơ-ký: Trương-văn-Lúa.*

Sài-gòn.—Nhờ ân-diễn Chúa, tiểu-ban truyền-đạo của bồn-hội cứ tiến-hành, từ tháng Mai tới nay bán được 20\$05 sách, và đã làm chứng cho nhiều người nghe. Nguyên Chúa ban cho hột giống ấy được mọc lên và kết quả! Có mấy linh-hồn trở về cùng Chúa; đáng ngợi-khen Ngài!

Xin quý Hội-Thánh cầu-nguyện cho ở Sài-gòn mau có một nhà giảng để tiện

cho tin-đồ nhóm lại, và để rao-giảng Tin-Lành cho người ngoại-đạo.—*Trần-như-Tuân.*

An-hóa.—Bồn-hội có mời mấy vị mục-sư, truyền-đạo giảng phục-hưng. Chúa dùng Lời Ngài tài-bồi đời thiêng-liêng chúng tôi. Rất cảm ơn Chúa!

Ở An-hóa Chúa nhậm lời cầu-nguyện, chữa bệnh nguy-hiểm cho bốn người mà thầy thuốc thế-gian đều chê-bỏ.

Ở Lộc-thuận có anh chấp-sự Bộ mướn cho người bạn ngoại-đạo một đứa con trai. Bạn đem thằng nhỏ đi mất, và làng xử anh Bộ phải kiếm con trả lại. Anh Bộ bối-rối lắm. Song sau ba tháng dốc lòng cầu-nguyện, Chúa thúc-giục người bạn đó đem thằng nhỏ về trả. Ai nấy đều ngợi-khen quyền-phép lạ-lùng của Chúa.

Ở Bình-đại có anh Rô đau kinh-phong rất nặng rồi chết. Song anh em tin-đồ nhóm lại hết sức cầu-nguyện Chúa, thì anh hồi-tỉnh, và hiện nay đã mạnh như thường. Rất tạ ơn Chúa! Cũng có anh Báu dâng một đèn *manchon* để đốt trong khi giảng. Xin quý ông bà cầu-nguyện cho chúng tôi được thêm ơn mà hầu việc Chúa.—*Nguyễn-Đăng.*

BẮC-KỶ

Hội-đồng thường-niên của Bắc-hạt nhóm lại lần thứ 4 tại Hà-nội, từ 13 đến 15 Novembre. Có 28 đại-biểu chánh-thức và chừng 200 tin-đồ thuộc các chi-hội ở Bắc-kỷ đến dự Hội-đồng. Tối nào người ngoại-đạo cũng kéo đông đến dự-thính chăm-chỉ.

Cảm-tạ Đức Chúa Trời Toàn-năng, Ngài dùng các ông Mục-sư Pruett, Jackson, Van Hine, Lê-dình-Tươi và Lê-văn-Thái ban phước thiêng-liêng cho tin-đồ và chỉ đường cứu-rỗi cho người ngoại-đạo. Có một người cầu-nguyện tin Chúa, và nhiều người ngỏ ý ái-mộ đạo Chúa. Nhà giảng được bao-phủ bằng một bầu không-khí cảm-động, yêu-thương, bình-an, vui-vẻ. Ông Mục-sư Pruett làm phép báp-têm cho 13 người thuộc Hội-Thánh Hà-nội.

Ai nấy ngợi-khen Đức Chúa Trời vì được nghe các viên truyền-đạo trình-bày quyền-phép Đức Thánh-Linh tỏ ra trong chi-hội mình: Có người đã bắt-bớ đạo mà lại ăn-năn, có người đau nguy-kịch được chữa lành, vân vân. Hội-đồng có đề riêng thi-giờ cầu-nguyện cho ông Nguyễn-văn-Phán đau nằm tại nhà thương.

Tiền quyền được 98\$39, chi hết 88\$70, còn thừa 9\$69. Hai viên soát sổ, là ông Nguyễn-văn-Thìn và ông Hoàng-như-Bích,

linh-hồn trở lại cùng Ngài. Các con-cái của Chúa tuy còn ít, nhưng đã biết bổn-phận đối với nhà Chúa. Chúa đã dùng ông chấp-sự Thân gánh một chức-vụ lớn cho Ngài. Công-việc Chúa ở đây nặng thật: Mỗi tuần giảng bốn lần cho người ngoại-đạo ở hai nhà giảng, Chúa-nhật thì giảng cho tin-đồ. Ngoài ra, mỗi đêm chúng tôi lại đi từng nhà một mà cùng anh em nhóm-hợp thờ-phượng Chúa.

Còn mong được nhiều kết-quả tốt cho



Hội-đồng Bắc-hạt nhóm tại Hà-nội (Novembre 1934)

tuyên-bố rằng sổ chi-thu rất đúng. Biểu-quyết sang năm Hội-đồng sẽ nhóm ở Hải-phòng nhằm hạ-tuần tháng Octobre.

Trước khi bầu-cử ban Trị-sự, ông Hội-trưởng Lê-đình-Tươi thay mặt ông Hội-trưởng Mẫu-hội và ban Trị-sự Tổng-liên-hội mà cử ông Lê-văn-Thái làm Chủ-nhiệm tạm-thời cho đến khi có sự sắp-đặt mới. Ban Trị-sự mới như sau này: Chủ-nhiệm: ông Mục-sư Lê-văn-Thái; Thư-ký: ông Tôn-thất-Thùy; Thủ-quĩ: ông Nguyễn-duy-Tiểu; Phái-viên: ông Dương-tự-Ấp. —Thư-ký: Tôn-thất-Thùy.

Bắc-ninh.—Chúng tôi được Chúa sai đến đây hầu việc Ngài đã hơn một tháng. Trong thời-gian ấy, Chúa đã kêu-gọi ba

Chúa về sau, xin các bạn đồng-chí cứ giúp sức cho chúng tôi trong sự cầu-nguyện. Đa-tạ!—Hoàng-như-Bích.

Nam-định.—Cám ơn Chúa đã cho phép chúng tôi mở cuộc bố-đạo tại hai chi-hội Hoành-nha và Hoành-nhị từ 20 đến 25 Septembre 1934. Chúng tôi có mời ông Mục-sư Pruett, cùng các ông Thái, Nhựt, Mão và Ấp giảng-dạy. Các ông đã dùng nhiều lời châu-ngọc của Chúa trong Kinh-Thánh mà phấn-hưng đời thiêng-liêng của tin-đồ, và làm cho người ngoại-đạo cảm-biết tội-lỗi của mình. Tin-đồ nhóm lại rất đông, người ngoại-đạo ước có đến năm sáu trăm người. Kết-quả được 19 linh-hồn trở lại cùng Chúa. A-lê-lu-gia!

Chúng tôi có lời trân-trọng cảm-lạ Chúa, và cảm ơn các ông đã hết lòng giúp-đỡ chúng tôi trong cuộc bố-đạo này.

Mới hôm 12 Septembre, em Cảo, sáu tuổi, con ông Nguyễn-hữu-Thái ở chi-hội Quất-lâm, bị cảm, đã chết hẳn đi hai giờ. Ông bà chỉ ôm con kêu-cầu với Chúa, thì Ngài chữa cho em sống lại, không phải dùng một chút thuốc-thang gì cả. Thật là tài Cứu-Chúa rất lạ! Cảm ơn Chúa!
—*Ban Trị-sự.*

TRUNG-KỲ

Hội-đồng Địa-hạt Trung-kỳ nhóm tại chi-hội Quế-sơn, từ 18 đến 20 Septembre 1934. Hiện-diện có 37 đại-biểu, và chừng 200 tin-đồ thường nhóm thờ-phượng Chúa. Người chữa tin Chúa nhóm lại mỗi tối ước số 400. Có các ông Mục-sư Mẫu-hội Stebbins và Olsen đến dự và giảng-day, cũng có ông Blanc, thuộc Hội Thụy-sĩ. Đức Thánh-Linh cai-trị và ban phước cho Hội-đồng rất nhiều. Giảng bốn buổi tối có các ông Luyện, Thừa, Huyền, Anh. Có 7 người cầu-nguyện tin Chúa.

Chiều ngày 19, thầy Ngô-văn-Lái và một người Cà-lơ làm chứng về công-việc Chúa tại Khe-sanh, làm cảm-động các thánh-giả.

Hội-đồng quyên 16\$28 để giúp lộ-phí của thầy cô Lái và một người Cà-lơ. Trọn năm, Địa-hạt thu 93\$05, và xuất 92\$08; vậy, còn lại 0\$97. Năm 1935, Hội-đồng Linh-tu sẽ nhóm tại Phan-rang vào tháng giêng An-nam, còn Hội-đồng Địa-hạt sẽ nhóm tại Đại-an vào tháng bảy An-nam.

Ông Chủ-nhiệm trình việc Chúa trong các chi-hội trọn năm 1933 như sau này:

- 8 Hội tự-trị.
 - 15 nhà giảng cất xong.
 - 22 vị mục-sư và thầy giảng.
 - 556 người cầu-nguyện tin Chúa.
 - 356 người chịu phép báp-têm.
 - 1.530 tin-đồ hiện có.
 - 2.635\$36 tiền dâng thường dùng.
 - 880\$00 tiền dâng cất nhà giảng và tư-thất.
- Ban Trị-sự mới gồm những ông này:
Chủ-nhiệm: Ông Đoàn-văn-Khánh; Phó Chủ-nhiệm: Ông Lê-văn-Long; Thư-ký: Ông Nguyễn-xuân-Diệm; Tư-hóa: Ông Nguyễn-hữu-Đình; Phái-viên: Ông Hoàng-trọng-Thừa.

—*Thay mặt Hội-đồng: Chủ-tọa: Lê-văn-Long. Thư-ký: Duy-cách-Lâm.*

Tiền chi-thu việc thương-du.—Tiền

thâu và xuất của các chi-hội và Mẫu-hội dâng giúp việc thương-du Trung-hạt từ Mai đến Septembre 1934 như dưới đây:

	Mai	Jun	Juil.	AOÛt	Sept.
Tuy-hòa	2.00				
Lạc-thành		4.00			2.00
Tourane	3.00	3.00	3.00	3.00	2.30
Qui-nhon		1.00			
Phan-rang	1.28			1.11	
Faifoo			1.50		2.00
Hà-tĩnh	1.00				
Huế				0.50	
Tam-kỳ	3.00				
Vinh				1.00	
Nha-trang				3.00	
Mẫu-hội	10.00	5.00	9.00	7.00	6.00
Tổng-cộng:	20p.28	13p.00	13p.50	15p.61	12p.30

—*Lê-văn-Long.*

Thu-bồn.—Dầu gặp năm khủng-hoảng, anh em cũng góp công, của xây được nhà giảng bằng gạch, phí-tồn hết 300\$00. Nhà này dài 24 thước ta, rộng 17 thước, và chứa được 300 người. Ngày 26 Juillet, chúng tôi làm lễ khánh-thành, và hơn dịp giảng phục-hưng 3 ngày đêm. Có mời các ông Olsen, Stebbins, Huyền, Long, Khánh và Liệu giảng giúp. Nhiều tin-đồ tỉnh-thức, khóc-lóc, ăn-năn, xưng tội. Trong 3 tối, có chừng 1.000 người ngoại-đạo dự-thính, và được 5 người tin Chúa.

Nay ông Trần-Tùng đến thay tôi, còn tôi đi Quảng-ngãi thay ông Duy-cách-Lâm. Xin cầu-nguyện cho tôi mau được giấy phép, và cho việc xây tư-thất ở Quảng-ngãi mau thành. Cảm-ơn!—*Lê-Đặng.*

Cầm-long.—Mấy tháng nay, Chúa tạm sai chúng tôi đến giúp-đỡ anh em ở đây. Trong thời-gian này, Chúa ban phước nhiều, dầu phải gặp sự khó đi nữa; có hai chấp-sự và một nữ tin-đồ về cùng Chúa.

Dầu vậy, Chúa cũng kêu-gọi 5 linh-hồn trở về cùng Ngài, và họ thường nhóm lại. Trong số ấy có một người vốn làm nghề phù-pháp, nhưng khi được Chúa cảm-động, liền bỏ hết sự giả-dối mà tin theo Ngài. Xin các qui-hội cầu-nguyện cho họ đứng vững trong Chúa.

Ngày 16 Septembre 1934, vợ chồng thầy Trần-Mai đến thay chúng tôi, và chúng tôi được Chúa sai đến Thu-bồn mà hầu việc Ngài.—*Trần-Tùng.*

Vinh.—Bấy lâu nhiều tin-đồ sa-sút, nhà giảng ở vào nơi bất-lợi, lại thêm trào-lưu bên ngoài sôi-nổi, nên công-việc Chúa bị trở-ngại lớn lắm. Nhưng chúng tôi cứ bền lòng thờ-than cùng Chúa. Vậy, mấy

tháng trước, Ngài đã cho chúng tôi thuê được một nhà rộng-rãi ở nơi trung-độ, nên số người dự-thính rất đông, và có người thêm vào Hội-Thánh; cũng có tin-đồ sa-ngã trở lại cùng Chúa. Hai tháng trước, ông Mục-sư Jackson làm phép báp-têm cho 6 người. Phần nhiều tin-đồ nhiệt-thành lo hầu việc Chúa, và dự-định tâu đất làm nhà giảng. Cảm-tạ ơn Chúa!

Một bữa kia, bên cạnh nhà ông tin-đồ Nguyễn-đức-Độ phát hỏa. Gió to, lửa dữ, nhưng ông Độ chỉ cầu-nguyện Chúa, thì Ngài làm cho gió trở qua hướng khác, nhà ông vô-sự. Lân-bàng cho là phép lạ. A-lê-lu-gia!—*Thơ-ký: Lê-khắc-Tương.*

Tin-tức người Mọi ở Haut-Donnai.—Đáp lại lời con-cái Ngài cầu-xin đất để cất nhà giảng cho người Mọi Xơ-rê ở *Djiring*, Chúa đã khiến ông *Ourgaud* hứa lo xong việc ấy. Ngày 26 Octobre, ông Hoa Hai và tôi xuống *Djiring* để coi đất, và vẽ kiểu nhà giảng. Còn thầy Xol và tôi được phép đi thăm tin-đồ trong 6 bộ-lạc Xơ-rê, Noang, Chin, Ma, Lach, K'dou. Có 10 người Mọi học quốc-ngữ, hiện được ba người biết đọc rồi; 10 người đó về nhà nghỉ 2 tháng để làm chứng cho đồng-bào họ biết về ơn Chúa cứu họ khỏi tay ma-quỉ. Xin quý ông bà cứ cầu-xin cho vợ chồng tôi mau đến *Djiring*. Cảm ơn!—*Trịnh-an-Mạo.*

AI-LAO

Vientiane.—Chúa đã sai tôi-tớ Ngài, là ông Lê-ngọc-Anh, đến đây giảng đặc-biệt hai tuần-lễ, từ 19 Août đến 2 Septembre 1934. Người nghe rất đông, và có 7 linh-hồn ăn-năn trở lại. Cảm ơn Chúa! Xin quý ông bà cầu-nguyện cho mấy anh em đó được đứng vững, và cho sự cất nhà giảng khỏi bị ngăn-trở.—*Hứa-văn-Chính.*

THÁNH-KINH HỌC-ĐƯỜNG TOURANE

Phá tan vùng không-khí yên-lặng mấy tháng hè vừa qua, bồn-trường đã làm lễ khai giảng vào chiều ngày 26 Août rồi. Trước khi học, có ông Mục-sư R. M. Jackson, ông Đốc-học Olsen cùng ông Giáo-sư Huyền giảng, và có cầu-nguyện hai ngày đêm. Bao nhiêu sự vui-vẻ và ơn-phước trong mấy ngày ấy, tôi không đủ lời miêu-tả.

Tuy giữa lúc kinh-tế khó-khăn, song chịu Chúa thúc-giục và lòng ham-mến học Lời của Ngài, nên số nam nữ sanh-viên đủ mặt ba kỳ được 48 người, kể cả 22 người

mới. Vui hơn nữa là Chúa lại sắp-đặt cho ông Giáo-sư Huyền trở vào trường. Thành-thử đốc-học, giáo-sư và phần đông học-sanh được cái hân-hạnh thầy xưa trò cũ gặp nhau, nên cảnh vui thêm nong.

Chúa cũng thúc-giục chúng tôi tổ-chức một ban cầu-nguyện cho việc Chúa ở các miền thương-du khắp nơi, gọi là: «**Toàn-cầu-thương-du-thiết-đạo-ban,**»nhứt-định để riêng mỗi tối thứ sáu mà cầu-nguyện đặc-biệt cho công-việc ấy.

Tiện đây chúng tôi xin quý ông truyền-đạo ở các miền thương-du, nếu có tin-tức quan-hệ nào, vui lòng cho chúng tôi biết, để cùng ngợi-khen Chúa và cầu-nguyện.

Thi-giờ học-tập còn dài, mà học-phí của nhiều anh chị đương ở trong đức-tin, vậy xin các quý Hội-Thánh nhớ cầu-nguyện nhiều cho chúng tôi, ngõ hầu Chúa đã ban phước thể nào, thì sẽ cử ban thêm thể ấy. Cảm ơn!—*Thơ-ký: Nguyễn-văn-Còn.*



TRONG 50 NĂM, DÂN DO-THÁI TĂNG QUÁ HAI LẦN

«*Ta sẽ thêm nhiều người nam nó như một bầy chiên*» (Ê-xê 36 : 37)

Ông *Jacob Leschinsky* là một người Giu-đa làm báo trú-danh và vẫn kê-cứu các vấn-đề xã-hội của dân Giu-đa. Cố-gắng xem-xét số dân Giu-đa khắp thế-giới được bao nhiêu, ông thấy rằng trong khoảng 50 năm vừa rồi, số dân ấy tăng lên gấp quá hai lần. Trong khoảng một thế-kỷ nay, họ tăng lên gấp quá năm lần.

Năm 1825, khắp cả thế-giới có chừng 3.280.000 người Giu-đa. Ông *Leschinsky* tính ra ngày nay khắp thế-giới có gần 15.800.000 người Giu-đa. Trong một thế-kỷ, số dân Giu-đa tăng lên gấp năm lần như vậy, còn dân-số toàn-cầu chỉ tăng lên gấp quá hai lần. Theo lời ông *Leschinsky* tuyên-bố, thì chỗ khác đó chẳng tại người Giu-đa sanh-sản nhiều hơn, nhưng tại họ chết ít hơn.

Sự tăng-gia mau-chóng này há chẳng hiệp cùng nhiều biến-động khác mà làm ứng-nghiem các dự-ngôn của Đức Chúa Trời sao?—*Prophecy.*

LẤY LÀNH TRẢ DỮ

(Truyện ngày lễ Giáng-sanh)

MỘT ông cụ ở xứ Tây-bá-lợi-á, là đất lưu-đày, thuật cho tôi nghe truyện Đấng Christ dạy-dỗ một người kia. Cụ kể như dưới đây :

Một bữa, Chúa cho tôi vui-mừng lắm bởi sai Ti-mô-thê đến với tôi. Ti-mô-thê, con trai Giô-sép, là vai chánh trong truyện tôi sẽ kể cho ông nghe. Khi tới xứ tôi, chàng còn thanh-niên. Lúc đó, tôi mười tám tuổi, còn chàng ngoài hai mươi. Chàng tánh-hạnh không chỗ trách được và là người học-thức. Sao chàng lại bị chánh-phủ nước Nga đày? Cả gia-quyển tôi vì-nề chàng, nên không dám hỏi.

Tôi nghe đồn rằng chàng bị một người chủ làm hại nhiều. Chàng mồ-côi cha mẹ. Chủ đỡ đầu và chiếm gần hết gia-tài. Một bữa, đương lúc cãi nhau, chàng cầm dao đâm thủng tay chủ. Quan tòa đày chàng đến xứ chúng tôi. Thật nhơn có sách-vở mà chúng tôi quen-biết nhau. Chúng tôi tâm đầu ý hiệp, nên thành ra bạn thiết.

Chẳng bao lâu, đương lúc ngã lòng, Ti-mô-thê được Đấng Chúa Trời vừa-giúp. Chàng cưới chị tôi làm vợ, nên được hưởng gia-đình lạc-thú, và hết lo-buồn. Chàng trở nên giàu-có. Mười năm sau, chàng xây tòa nhà đẹp-đẽ. Vợ chàng hiền-đức, con-cái chàng ngộ-nghĩnh, chàng còn cần gì nữa? Thiết tưởng chỉ cần quên cuộc dĩ-vãng. Nhưng Ti-mô-thê cứ nhớ việc bất-công. Bữa nọ, chỉ có hai chúng tôi ngồi trên xe ngựa, chuyện-trò thân-mật, tôi thỉnh-linh hỏi chàng rằng :

—Này anh Ti-mô-thê, bây giờ anh sung-sướng chẳng?

—Theo ý cậu, thế nào là sung-sướng?

—Anh đã tìm được mọi sự mình mất ở quê-hương chẳng?

Chàng thỉnh-linh tái mặt, không trả lời, cứ lảng-lặng cầm cương ngựa. Tôi trầm-ngâm nghĩ-ngợi; bỗng-chốc chàng thấy tôi yên-lặng, bèn hỏi :

—Cậu tần-ngần suy-nghĩ gì thế?

—Tôi nghĩ bông-lông đấy mà.

—Không phải ; chắc cậu nghĩ về tôi. Cậu nghĩ về tôi thế nào?

—Này, xin anh đừng giận ; tôi mới nghĩ rằng anh biết Kinh-Thánh, nhưng có tấm lòng hay hiềm-thù, nên không chịu vâng lời Đấng Chúa Trời.

Ti-mô-thê không nổi giận, song mặt-mày ủ-dột mà rằng :

—Tôi đã quyết không hề nhắc đến các việc ấy, nhưng bữa nay tôi xin kể hết cho cậu nghe.

Bấy giờ chàng nói nào cha chết vì bị chủ chàng gây cho buồn-thảm, nào mẹ chết vì đau-đớn, nào chính mình mất danh-dự vì bị phao-vu, nào chủ chàng dẫu già-cả, nhưng dùng mưu gian-dối và lời ngấm-đe ép người ta gả cho mình cô thiếu-nữ mà chàng yêu-thương từ hồi tuổi trẻ và định cưới làm vợ. Chàng kết-luận rằng :

—Này, ta có thể dung-thứ mọi tội-ác ấy chẳng? Tôi không khi nào tha-thứ cho hẳn.

Tôi đáp :

—Nhưng anh Ti-mô-thê ơi, **hãy yêu-thương và tha-thứ**, đó là ánh sáng trong-trẻo của Tin-Lành chiếu-rọi mọi đều. Phải tha-thứ cái gì? Lỗi nhẹ mà thôi chẳng? Không, tha cả tội nặng nữa chớ!

Chàng không đáp lại nửa lời. Bấy giờ trong lòng tôi nhứt-định nhờ Chúa giúp-dỡ :

—Lạy Chúa, Ngài há chẳng đẹp lòng phán với linh-hồn anh tôi bởi miệng tôi sao?

Tôi bèn tường-thuật thế nào Đấng Chúa Jê-sus bị đánh-đập, bị bạc-dãi, bị nhổ vào mặt, và thế nào dân Giu-đa hiệp ý để mặc một mình Ngài không có chỗ gối đầu. Còn Ngài? Ngài tha-thứ hết cả.

—Anh nên theo gương ấy, chớ đừng đi lạc vào đường báo oán.

Nhưng Ti-mô-thê đọc nhiều khúc Kinh-Thánh, nhiều lời bình-luận dài dòng. Há chẳng có kẻ quả-quyết rằng tha-thứ thường là xui phạm tội thêm?

Trả lời thế nào? Tôi đành nói:

—Anh nên chiến-đấu với chính mình thì tốt hơn. Đang khi anh nhớ tội-ác người ta làm cho mình, thì tội-ác ấy còn. Hãy để nó chết đi, ắt linh-hồn anh lại được bình-an.

Chàng nắm tay tôi mà rằng:

—Xin cậu làm thình, tôi đau-đớn lắm.

Thì-giờ mau như tên bắn. Tôi xem-xét chàng suốt sáu năm, và thấy rõ chàng vẫn đau-đớn; tôi cũng biết một ngày kia, nếu không bị giam-cầm nữa và thình-linh được gặp mặt người chủ, ắt chàng sẽ quên hết những lời dạy-đỗ trong Kinh-Thánh, sẽ phó mình cho Sa-tan, là kẻ xui-giục báo thù. Dầu thế nào, lòng tôi vẫn chẳng chút bối-rối, vì tôi đã nhận-biết ngón tay của Đức Chúa Trời. Tôi biết Cứu-Chúa sẽ buông-tha bạn tôi khỏi sự hèn-ghét.



Một bữa, Ti-mô-thê cầm cuốn Tin-Lành, ra ngoài vườn, liếc mắt nhìn khóm hồng, rồi ngồi xuống ghế, mở sách ra đọc. Ông đọc nhằm sự-tích Đấng Christ ở trong nhà người Pha-ri-si, không được đến cả chậu nước rửa chơn. Ông động lòng thương Ngài đến nỗi khóc-lóc. Chính phút đó, việc lạ bắt đầu xảy ra. Ti-mô-thê thuật cho tôi nghe như vầy:

—Tôi nhìn mọi vật chung-quanh và tự nghĩ: «Dur-dật thay! Giàu-có thay! Nhưng Chúa ta sống trong địa-vị hèn-hạ, nghèo-cực...» Nước mắt tôi chan-hòa. Tôi kêu rằng: «Lạy Chúa! Nếu Ngài đến nhà tôi, tôi sẽ dâng Ngài mọi sự luôn với chính mình tôi.» Rồi tôi dường như nghe tiếng trả lời: «**Ta sẽ đến.**»

Đoạn, Ti-mô-thê bối-rối, hỏi tôi:

—Cậu nghĩ sao? Một ngày kia, Chúa thật đến nhà tôi chẳng?

Tôi suy-nghĩ một phút rồi đáp rằng:

—Xin anh nghe đây, việc ấy vượt quá tài-trí tôi. Nhưng ta há chẳng có thể tìm ra bằng-cớ trong Kinh-Thánh?

—Có lời chép về Ngài rằng: «...Đời đời vô-cùng» (Khải 1:6). Vậy, Ngài hằng sống. Thế thì sao tôi dám ngờ Ngài không đến? Từ rày tôi sẽ bảo người nhà dọn đĩa chén cho Ngài nơi bàn tôi ăn.

Ti-mô-thê về bảo vợ kể từ bữa sau phải dọn thêm một phần đĩa chén. Vậy, mỗi khi ngồi ăn, trừ ông cùng vợ và ba con ra, lại có một chỗ thứ sáu bỏ trống ở góc bàn nữa. Trước chỗ danh-dự ấy, có chiếc ghế bành lớn.

Vợ bối-rối, hỏi:

—Dọn như vậy có nghĩa gì? Dọn làm gì? Dọn cho ai?

Nhưng Ti-mô-thê không tỏ hết ý. Ông chỉ nói với vợ, cũng như nói với kẻ khác, rằng mình đã hứa-nguyện làm như thế và chỗ kia dành sẵn cho «người khách nào đến trước nhứt.» Nhưng người khách ấy là ai? Ngoài Ti-mô-thê và tôi, chẳng ai biết.



Bữa áp lễ Giáng-sanh, trời lạnh buốt xương. Ti-mô-thê đến nói với tôi rằng:

—Cậu ơi, ngày mai Chúa đến.

—Sao anh tưởng vậy?

—Ấy vì lúc nầy tôi vừa mới cầu-nguyện: «Lạy Chúa, xin hãy đến,» thì linh-hồn tôi cảm-động quá đỗi, và tôi nghe như có tiếng kèn thổi rằng: «Quả thật, chẳng bao lâu ta sẽ đến.» Ngày mai há chẳng phải ngày Ngài giáng-sanh? Ngài không lựa-chọn ngày đó sao? Đến mai, xin cậu cùng quý-quyển đến nhà tôi, tôi sợ-hãi vô-cùng.

—Nầy anh Ti-mô-thê, anh sốt-sắng chờ-đợi Vị Khách quý đường ấy, nên hãy sửa-soạn nghinh-tiếp Ngài tùy theo ý Ngài, chớ đừng mời bạn-hữu thôi.

—Tôi hiểu rồi; tôi sẽ sai đầy-tớ và con trai đi khắp làng mời những kẻ bị đày và mọi kẻ nghèo-cực, túng-thiếu. Nếu Chúa hạ-cố đến thăm tôi, ắt sẽ thấy mọi sự đã sẵn-sẵn thích-hiệp với đạo Ngài.

Vậy, ngày lễ Giáng-sanh ấy, chúng tôi đến nhà Ti-mô-thê. Các gian phòng rộng-rãi chật ních những người nhà tôi và người Tây-bá-lợi-á, người bị phát-vãng. Họ dọn nhiều bàn dài trải dạ (nỉ), trên bày la-liệt mọi vật cần-dùng. Mấy con đòi vội-vã dọn thức ăn và bánh nước. Trời tối. Đường chẳng còn thiếu ai, mọi người chủ sai đều đã trở về. Không phải đợi nữa. Tuyết bị cơn bão-tổ bên ngoài đùa đi, chất thành đồng trên mặt đất.

Nhưng vẫn thiếu Vị Khách yêu-quí hơn hết. Trời tối hơn. Đến giờ thắp đèn và quây-quần quanh bàn. Lúc đứng, lúc ngồi, Ti-mô-thê lộ vẻ rất cảm-động. Ông không ở yên một chỗ. Đức-tin ông bị lay-chuyển. Vị Khách yêu-quí mà ông chờ-đợi chắc không đến. Một lúc sau, Ti-mô-thê thở dài, ngả lòng, nhìn tôi mà rằng:

—Cậu ơi, ta nên cầu-nguyện và dự tiệc đi thôi.

Tôi đáp:

—Xin anh cầu-nguyện.

Bấy giờ ông đứng dậy, đọc bài: **«Lạy Cha chúng tôi ở trên trời...»** rồi nói thêm: «Này, Đấng Christ giáng-sanh, vinh-hiễn cho danh Ngài! Đấng Christ từ trời xuống, hãy tiếp-rước Ngài!» Ông vừa nói xong, thì có tiếng xô cửa, nhà rung-động, và một hình người hiện đến trên ngạch cửa... Như bầy ngựa sợ-hãi, ai nấy lẩn nghiêng vào xó buồng. Nhiều kẻ té nhào. Một vài người mạnh-bạo hơn thì nhìn ra lối đi. Họ thấy một ông già lụ-khụ, quần-áo tả-tơi, hiện ra trên ngạch cửa. Cụ run như cây sậy, thiếu đều té ngã, đi loạng-choạng. Trên bàn tay cụ, mọi người thấy cái

seo tái đi vì trời lạnh. Thấy vậy, Ti-mô-thê la lên rằng:

—Lạy Chúa! Chính là chú tôi, tôi sẽ nhận danh Ngài mà tiếp-rước chú tôi. Nhưng xin Ngài đừng vào nhà tôi,... tôi là kẻ xấu-xa, tội-lỗi.

Tôi vui-vẻ quá đôi vì thấy ông chịu cảm-động bởi tinh-thần đầu-phục chơn-thật của Đấng Christ. Có kẻ đem đèn tới. Ông cụ vẫn đứng đó. Ti-mô-thê nắm hai tay cụ và dẫn đến ngôi chỗ danh-dự.

Chắc độc-giả đã hiểu rằng cụ là chú, là kẻ thù của ông Ti-mô-thê, và là người gây cho ông sa-sút. Cụ thuật sơ-lược thể nào mình mất hết của-cải và gia-đình, thể nào đã lâu lắm mình lên đường tìm cháu để xin tha-thứ. Cụ vừa khát-khao được ơn tha-thứ ấy, vừa khiếp-sợ lửa giận của Ti-mô-thê. Cụ lạc đường, lạnh buốt vì tuyết rơi, tưởng tấm thân tàn phải chết trong cơn bão-tổ. Cụ nói thêm rằng:

—Nhưng thành-linh một người lạ mặt nắm hai tay tôi, dẫn tôi đi, và này, tôi đến đây, song chẳng biết mình đến từ đâu.

Ti-mô-thê đáp rằng:

—Thưa chú, tôi biết người đi với chú, chính là Chúa, là Đấng đã phán: **«Nếu kẻ thù mình có đói, hãy cho ăn, có khát, hãy cho uống»** (Rô 12: 20). Xin chú ngôi chỗ danh-dự, ở bên cạnh tôi. Xin chú nhận danh Ngài, vì vinh-hiễn Ngài mà ăn-uống và dùng mọi sự trong nhà tôi cho đến khi qua đời.

Từ đó, cụ ở nhà ông Ti-mô-thê. Lúc chết, cụ chúc phước cho ông. Còn ông thì tìm lại được sự bình-an trong lòng, không hề mất nữa.— *Thuật theo N. S. Leskov.*

KẾT-QUẢ CUỘC THI THƠ MỪNG THÁNH-KINH BÁO

(do ông Hoàng-vô-Tư ở An-thái-đông, Nam-kỳ, tổ-chức)

Ngót 50 vị dự-thí; 5 vị có tên dưới đây được thưởng:

Giải nhất: Ông Lê-trung-Hằng, Phong-thạnh, Nam-kỳ.—Giải nhì: Ông Thành-Quang, Hải-phòng, Bắc-kỳ.—Giải ba: Ông Phan-chấn-Tâm, Vĩnh-long, Nam-kỳ.—Giải tư: Ông Nguyễn-minh-Triết, Vĩnh-long, Nam-kỳ.—Giải năm: Bà Dư-thị-Bach-Mai, Hà-nội, Bắc-kỳ.

Vì thiếu chỗ, nên số sau chúng tôi sẽ đăng các bài được thưởng.

THỬ GỖ MỖI NGỖ

TẠI SAO CHÚNG TA TIN RẰNG ĐỨC CHÚA JÊSUS DO NỮ-ĐỒNG-TRINH SANH RA ?

MỤC-SƯ G. E. ROFFE, LUANG-PRABANG, AI-LAO

ĐỨC-TIN của tín-dồ Đấng Christ được lập vững trên Lời Đức Chúa Trời. Dầu trời đất qua đi, Lời ấy cũng không hề tiêu mất bao giờ.

Kinh-Thánh đã do Đức Thượng-Đế soi-dẫn và ưng-chuẩn, nên là quyển sách vô-dịch của toàn-cầu, rất chơn-chánh và đáng tin. Dầu có nhiều điều khó hiểu, song vẫn rất là đích-thực. Chẳng bao giờ có ai đánh đổ một lẽ thật nào trong Kinh-Thánh được.

Mấy năm trước, một người đến thăm Anh-quốc Bảo-tàng-viện ở Luân-đôn, và nói với ông giám-đốc già-cả rằng: «Xin cho tôi xem vài vật lạ hoặc bằng-cớ nào tỏ ra Kinh-Thánh không thật.» Ông già đáp: «Tôi có thể cho ông xem hàng vạn vật lạ tỏ ra Kinh-Thánh là thật, chẳng ai có thể hồ-nghi chút nào, chớ trong viện bảo-tàng này chẳng có cái gì phản-đối sự thật ấy.» Đó thật là một lời tuyên-bố vô-dịch của ông giám-đốc một viện bảo-tàng lớn nhất thế-giới. Cũng có người khác tuyên-bố như vậy: «Các thực-sự về khảo-cổ-học đều bình-vực Kinh-Thánh do Đức Thánh-Linh soi-dẫn. Chẳng hề có ai chối-cãi và đánh đổ được sự chơn-chánh của Kinh-Thánh theo phương-diện sử-ký. Lời Đức Chúa Trời sống và bền-vững đời đời, mặc dầu các nước mà Lời ấy nói đến đã suy-sụp tron-trọi, tỉ như Mô-áp và Am-môn.»

Thực-sự về Đấng Christ do nữ-đồng-trinh sanh ra.—Vây, khi bắt đầu luận về sự giáng-sanh lạ-lùng của Đấng Christ, thì chúng ta phải cảm-biết rằng vấn-đề đó được chép rất đúng (không ai bài-bác được) trong sách

đáng tin nhất thế-giới, tức là Kinh-Thánh. Thật là một vấn-đề thánh-khiết khiến ta phải lấy lòng cung-kính rất mực mà luận đến lẽ mâu-nhiệm về Đức Chúa Trời Toàn-năng bỏ hết sự tôn-nghiêm, mặc lấy sự khiêm-nhường; giấu sự vinh-hiển tuyệt-đối để phô-bày ân-diễn; cầm-giữ con thanh-nộ để giải-tỏ lòng thương-xót; trở nên nghèo vì có chúng ta hầu cho chúng ta nhờ cảnh nghèo của Ngài mà trở nên giàu.

Kinh-Thánh dùng một lối văn giản-dị nhưng diễm-lệ mà tuyên-bố rằng Đức Chúa Jêsus, gọi là Christ, đã sanh làm Con đầu lòng của Ma-ri, vợ Giô-sép. Khi nàng chưa cưới và còn đồng-trinh, thì được thiên-sứ của Chúa truyền tin rằng Đức Thánh-Linh sẽ giáng trên nàng, và nàng sẽ nhờ quyền-phép hay che-chở của Đấng Chí-cao mà thọ-thai, sanh một trai, đặt tên là Jêsus, vì «chính Con trai ấy sẽ cứu dân mình ra khỏi tội» (Ma 1 : 21). Hết thấy những người tin theo đạo Tin-Lành đều dốc lòng tin thực-sự đó, không thêm, không bớt.

Hai bản-tánh của Đấng Christ.—Kinh-Thánh dạy rõ rằng trong ngôi-vị của Đức Chúa Jêsus-Christ có hai bản-tánh đặc-biệt, tức là Thần-tánh và Nhơn-tánh. Về phương-diện Thần-tánh, thì Đấng Christ không hề chịu sanh ra, vì Ngài là *Đấng Tự-hữu, Hằng-hữu*. Chính Ngài tuyên-bố rằng Ngài là Đấng Cao-cả hằng-hữu, là Đấng có trước Áp-ra-ham, trước Phạt, trước Bàn-cổ, trước A-đam và trước cuộc khai thiên lập địa. Chính Ngài là Đấng Tạo-Hóa Toàn-năng. Đây là lẽ mâu-nhiệm tối - cao : Chúa Jêsus đã dựng

nên nhơn-loại, trong số đó có người nữ phải sanh-hạ Nhơn-tánh Ngài. Ngài vốn là Chúa của mẹ xác-thịt Ngài.

Nhưng các tín-đồ chơn-thật kính-mến Chúa, yêu Lời Ngài, phải luôn luôn phản-đối cái giáo-lý tôn-tặng bà Ma-ri lên quá địa-vị mà Kinh-Thánh đã dành riêng cho bà. Thuyết tôn bà làm «Mẹ của Đức Chúa Trời» là rất trái lẽ thật, vì bà chẳng chút dự phần đến Thần-tánh của Đấng Christ, duy chỉ dự phần đến Nhơn-tánh của Ngài.

Đời vô-tội của Đấng Christ làm chứng rằng Ngài do nữ-đồng-trình sanh ra.—*Chúa Cứu-thế phải là Đấng vô-tội, nhưng phải từ nguồn-gốc vô-tội mà ra thì mới là Đấng vô-tội được.* Kinh-Thánh tuyên-bố rằng Đức Chúa Jêsus «vốn chẳng biết tội-lỗi» (II Cô 5: 21). Chính Ngài đổ-thách bọn đạo-đức giả trong đời Ngài cáo tội và buộc tội Ngài, thế mà Ngài vẫn chẳng có tí-vít hoặc khuyết-diểm nào. Vả, nếu đời sống Ngài là vô-tội theo như mọi kẻ quen-biết Ngài đã làm chứng đó, thì sự hoai-thai và sanh-đẻ Ngài cũng phải vô-tội. Vì không thể nào sự thánh-khiết tuyệt-đối được loài người ưng-chịu và được Đức Chúa Trời tiếp-nhận, lại lưu-xuất từ một dòng-giống hư-hoại, cũng như không thể nào loài người hư-hoại gắng sức riêng mà đạt tới bậc công-bình của Đức Chúa Trời được. Có kẻ nói rất đúng rằng: «Quả thật, không có lẽ nào một người thường lại sanh bởi một nữ-đồng-trình; nhưng cũng không có lẽ nào và không có thể nào **Người này** (tức là Đức Chúa Jêsus) lại không sanh bởi một nữ-đồng-trình.» Cả đời sống thánh-khiết tuyệt-đối của Ngài làm chứng về sự ấy một cách không ai chối-cãi được.

Nếu không sanh ra bởi một nữ-đồng-trình, thì Đức Chúa Jêsus không thể sống một đời vô-tội, và sự chết chuộc tội của Ngài là vô-giá-trị. Nếu Đức Chúa Jêsus không sanh ra bởi một nữ-đồng-trình, thì đời Ngài chẳng khi nào lại thánh-khiết vô-song như

vậy. Nếu đời Ngài hư-hoại, thì của-lẽ chuộc tội của Ngài sẽ không được Đức Chúa Trời nhậm, núi Gò-gô-tha sẽ chẳng qua là nơi diễn tấn thảm-kịch làm cho lòng người tan-nát, và loài người vẫn đi rờ-rẫm trong bóng tối-tăm của tội-lỗi, chẳng được ai cứu-giúp, chẳng được tia sáng hi-vọng nào chiếu-rọi bên kia mồ-mả. Song, kìa, *Đức Chúa Trời đã nhận sự chết Đấng Christ đền tội muôn dân!* Đức Chúa Trời đã tỏ ra bằng-cớ chắc-chắn rằng của-lẽ Đức Chúa Jêsus đáng được tiếp-nhận, và thật là của-lẽ Chiên Con không tí không vít. Đức Chúa Cha đã mấy lần cất tiếng phán rằng: «Nầy là Con yêu-dấu của Ta, đẹp lòng Ta mọi đàng.» Đức Chúa Cha hằng tự tôn-vinh trong Con Ngài bởi đáp lại lời cầu-nguyện của Con, tỏ quyền-năng cả-thể của Ngài trong các phép lạ mà Con làm nhơn danh Ngài, và phô-bày bôn-tánh từ-ái, thương-xót của Ngài trong thái-độ của Con đối với những kẻ yếu-đuối, cứng-cỏi, nghèo-hèn, cực-khổ giữa vòng nhơn-loại tội-lỗi. Nhưng bằng-cớ mạnh nhứt tỏ ra Đức Chúa Jêsus đẹp lòng Đức Chúa Cha chính là ở trong thực-sự này: «Đức Chúa Jêsus này, Đức Chúa Trời đã khiến sống lại» (Sứ 2: 32), và: «Đức Chúa Trời đã đem Ngài lên rất cao, và ban cho Ngài danh trên hết mọi danh, hầu cho nghe đến danh Đức Chúa Jêsus, mọi đầu gối... đều quì xuống» (Phil. 2: 9-10).

Nếu Đức Chúa Jêsus không do một nữ-đồng-trình sanh ra, thì sự chết của Ngài là vô-giá-trị; cũng một lẽ ấy, nếu Ngài chẳng phải là «Chơn-Thần do Chơn-Thần mà lưu-xuất,» thì Ngài không sống lại được. Sự giáng-sanh lạ-lùng đó là gốc cây căn-yếu tuyệt-đối đã kết những quả cố-nhiên và vinh-hiền, tức là sự chết đền tội trên núi Gò-gô-tha và sự sống lại. Ấy nghĩa là nếu Đức Chúa Jêsus sanh ra như mọi người khác, thì Ngài cũng sống, chết như mọi người khác, còn thân-thể Ngài

cứ nằm yên và hư-nát trong mồ-mả. «Nhưng bây giờ, Đấng Christ đã từ kẻ chết sống lại» (I Cô 15: 20), nên sự trông-cậy và công-khó của chúng ta chẳng phải là vô-ích.

Ta phải đối với bà Ma-ri thế nào?—Chúng ta phải hết lòng tin mọi lời tuyên-bố trong Kinh-Thánh; nhưng chúng ta lại phải coi chừng nhiều hơn, kẻo bị cám-dỗ tin quá hoặc tin không trọn cái ý-chỉ của Đức Chúa Trời đã bày-tỏ. Hai cách tin ấy là sai-lầm cả. Muốn sùng-thượng mẹ của Chúa chúng ta, có kẻ đã tôn-trọng và thờ-phượng bà chẳng khác chi ta tôn-trọng và thờ-phượng Đức Chúa Trời, là Đấng Độc-nhứt đáng được như vậy. Họ hầu như dâng cho bà «danh trên hết mọi danh;» như vậy, họ xây-cất trên một nền khác với nền đã lập lên bởi Lời Đức Chúa Trời, tức là Lời được ta tin-nhận làm kim chỉ-nam độc-nhứt của đức-tin và hạnh-kiếm.

Trái lại, chúng ta phải cần-thận, đừng thiếu bần-phận trong vấn-đề này. Hãy tôn-kính người nào đáng

được tôn-kính. Nếu Ma-ri, mẹ đồng-trinh của *Nhơn-tánh* Con Đức Chúa Trời, không được Đức Chúa Trời xét là đáng sanh ra Cứu-Chúa, ắt bà không hề được Ngài giao cho chức-vụ cao-quí ấy. Thiên-sứ của Đức Chúa Trời đến cùng Ma-ri và nói rằng: «Hỡi người được ơn, mừng cho người; Chúa ở cùng người» (Lu 1: 28). Cuộc đời, tánh-tình và hạnh-kiếm của Ma-ri chắc hiền-lành, thành-thật, không chỗ trách được, và trong-sạch tự-nhiên. Nhưng khi một bà kia thưa với Đức Chúa Jêsus rằng: «Phước cho dạ đã mang Ngài và vú đã cho Ngài bú,» thì Ngài dịu-dàng nhưng cương-quyết đáp rằng: «Những kẻ nghe và giữ Lời của Đức Chúa Trời còn có phước hơn» (Lu 11: 27-28).

Vậy, cách tốt nhất để tỏ lòng tôn-kính mẹ của Chúa chúng ta đúng theo chơn-lý và để đẹp dạ Đức Chúa Trời chính là hết lòng phục-tùng và yêu-quí CON mà bà được cái hàn-hạnh sanh-dẻ trong thế-gian làm Cứu-Chúa của muôn dân muôn nước.

TINH-THẦN LỄ GIÁNG-SANH

«Này, ta báo cho các người một tin lành» (Lu-ca 2: 10)



A. B. SIMPSON còn hồng sanh kiêu-ngạo được? Tinh-thần lễ Giáng-sanh là một tinh-thần vui-mừng. «Này, ta báo cho các người một tin lành, sẽ là một sự vui-mừng lớn cho muôn dân.»

Tinh-thần lễ Giáng-sanh là một tinh-thần yêu-thương. Ta phải được sự vui-mừng bởi đem sự vui-mừng cho kẻ khác. Trái tim của lễ Giáng-sanh chính là Đấng Christ đã yêu-thương

TINH-THẦN lễ Giáng-sanh phải là một tinh-thần khiêm-tốn. Đứng ở cạnh bài học cao-thượng và thực-hiện về máng cỏ, về cái nôi, và về Con Trẻ trứng-nước, thì tin-đồ nào

chúng ta, đã đến ở giữa chúng ta, và chết thay chúng ta. Ai chỉ sống cho mình, thì không được phép hưởng sự vui-mừng do lễ Giáng-sanh. Tình yêu-thương luôn luôn hi-sinh. Vậy, tinh-thần lễ Giáng-sanh sẽ kêu-gọi chúng ta trước hết vui-vẻ và hoàn-toàn đầu-phục Đức Chúa Trời, rồi sau cũng hớn-hở hi-sinh mọi sự mình có để tôn-vinh Ngài và giúp ích kẻ đồng-loại.

Tinh-thần lễ Giáng-sanh là một tinh-thần thờ-phượng. Kia, mấy bác-sĩ quí nơi chơn Con Trẻ thành Bết-lê-hem, và dâng vàng, nhũ-hương, một-được cho Ngài! Ta cũng nên làm như vậy.

Tinh-thần lễ Giáng-sanh cũng là một tinh-thần truyền-giáo. «Tin-lành» về Đấng Christ giáng-sanh thật là tin tốt cho muôn dân.—A. B. Simpson.

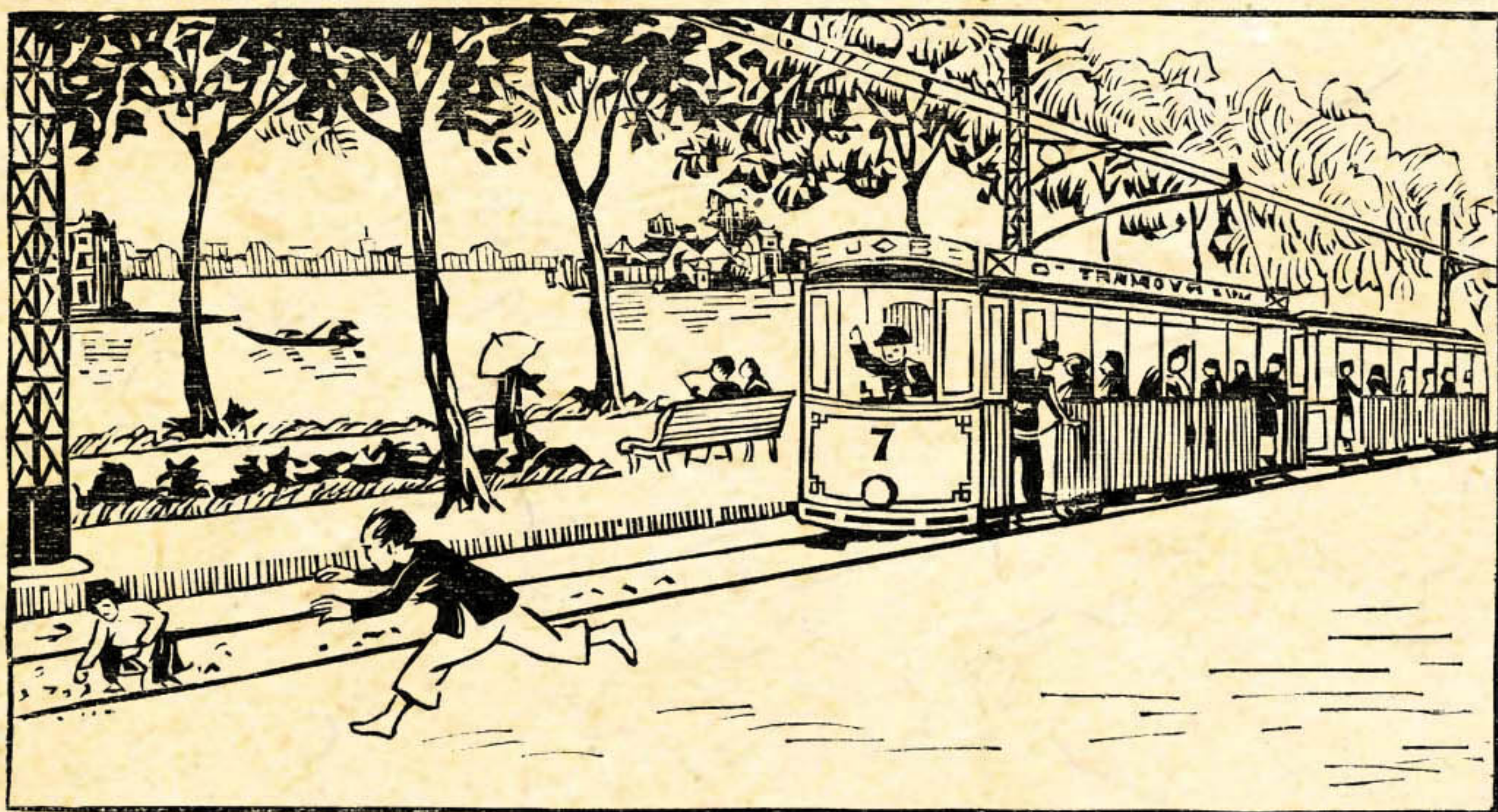


«EM SẼ LÀM CON CỦA CHÚNG TÔI»

(Truyện ngày lễ Giáng-sanh)

«TRUNG-Bắc, Đông-Pháp, Phong-Hóa, Ngọ-Báo ơ!» Đó là tiếng cậu Oanh chạy hết phố này qua phố khác ở Hà-nội mà rao bán báo. Cậu lễ-phép, tử-tế, mời chào khôn-khéo,

hồ hành-hạ, chửi-mắng, đánh-đập đũa con khác máu. Ngót một năm trời, cậu Oanh phải cắn răng chịu mọi sự cay-đắng. Những lúc đêm khuya, bốn bề yên-lặng, cậu nhớ đến bà mẹ yêu-



Cậu Oanh vội xông đến cứu em Hồng-Vân

và có vẻ mặt dễ thương, nên bán được nhiều hơn các bạn cùng nghề. Mới mười bốn tuổi đầu, đương học lớp nhứt trường nhà-nước, và có trí thông-minh hơn nhiều người, tại sao cậu lại phải từ-bỏ mọi sự ước-ao tốt-đẹp của đời mình mà đi bán báo?

Mẹ cậu Oanh qua đời khi cậu mới mười hai tuổi. Cha cậu, là ông Xung, làm thợ trong một xưởng lớn ở Hà-thành. Khi hết tang bà, ông lại cưới một người vợ khác. Ai cũng biết rõ rằng ít người mẹ ghẻ thương-mến con chồng. Bà Xung thứ hai cũng ở trong số đó. Ông Xung đi làm sớm, về tối, mọi sự đều giao cho bà. Thôi, bà tha-

quí của mình, thì lòng xót-xa khôn xiết. Nếu bà còn sống, hẳn cậu sung-sướng biết chừng nào.

Sau-rốt, cậu không còn có thể chịu sự đối-đãi càng ngày càng tệ của người mẹ ghẻ, bèn bỏ nhà ra đi. Cậu rất tiếc nhà trường và thầy bạn của mình, nhưng cũng đành chịu vậy. Cậu đi bán báo để nuôi thân. Cậu bán được nhiều nhứt-báo, nên chẳng những đủ ăn, lại còn dành-giùm được ít nhiều. Cậu không muốn bỏ dở sự học, nên xin vào lớp ban tối của một trường tư.

Một bữa Chúa-nhứt kia, cậu dạo chơi vườn Bách-thảo; có thầy bán sách của Hội Tin-Lành bán cho cậu một

cuốn Tân-Uớc. Cậu đem về nhà đọc không biết chán, rồi đến nhà giảng Hội Tin-Lành mà nghe và hỏi về đạo. Hai tháng sau, cậu tiếp-nhận Đức Chúa Jê-sus-Christ làm Cứu-Chúa của mình. Ngài đổi mới lòng cậu, ban sự vui-mừng thay buồn-thảm, sự bình-an thay bối-rối, sự yêu-thương thay căm-hờn.

Cậu đã được cứu, nên cũng muốn cứu cha mình. Vậy, một ngày kia, cậu về nhà cha để làm chứng về Đức Chúa Jê-sus cho ông biết. Bấy lâu thấy cậu bỏ nhà ra đi, ông Xung đã lấy làm tức-giận lắm-rồi. Nay lại thấy cậu giò về mà lại về cắt nghĩa đạo cho mình, ông liền nổi giận đùng-đùng, xách gậy quyết đánh cậu. Nhưng cậu mau chơn chạy thoát ra cửa.



Ngày qua, tháng lại, thắm-thoắt chỉ còn hai tuần-lễ nữa là đến lễ Giáng-sanh. Lối năm giờ chiều, cậu Oanh bán hết báo, bèn đi chơi lang-thang quanh hồ Hoàn-kiểm. Gió mùa đông lay-động cây-cối. Ngoài đường xe-cộ và người đi bộ đều ít. Cậu tho-thần nhìn-xem mọi sự chung-quanh mình, chốc đã đến phố Bờ Hồ. Thành-linh mặt cậu tái xanh, và cậu kêu lên một tiếng lớn...

Chuyến xe-điện (*tramway*) từ chợ Bưởi xuống Bạch-mai dương sầm-sầm chạy tới, thì trên đường sắt có một cô bé độ bốn tuổi mãi chơi với mấy hòn đá. Cách chừng hai mươi thước tây, người cầm máy luôn chơn giận chuồng, song cô dường như chẳng nghe gì hết. Mau như chớp-nhoáng, cậu Oanh nhảy đại tới chỗ cô bé, ôm choàng lấy cô, và chạy vội ra ngoài đường xe-điện. Nhưng khi chạy ra, cậu hoảng-hốt không thấy trước mặt mình có cái cột đèn điện trông sừng-sững, thành-thử cậu đâm đầu phải cột, ngã lăn xuống đường rải đá, máu chảy lênh-lánh, nằm mê-man.

Mấy giờ sau, cậu tỉnh dậy đưa mắt nhìn quanh-quần, lấy làm ngạc-ngạc, lạ-lùng lắm. Cậu thấy mình ở trong

một phòng rộng-rãi, đẹp-đẽ, đèn điện sáng ngời, còn chính mình cậu thì nằm trên giường tây, mùng, nệm, gối, mền trắng tinh. Một bà có vẻ hiền-từ ngồi trên ghế mây, chăm-chăm nhìn cậu. Thấy cậu thức dậy, bà hỏi rằng:

—Cậu có đau lắm không?

—Thưa bà, đau lắm. Xin bà cho tôi biết tại sao tôi lại ở đây?

—Tôi là vợ ông tham Tuyền, mới ở Lạng-son dời về Hà-nội mấy bữa nay. Nhà tôi ở phố Bờ Hồ, trông ra đường xe-điện. Chiều nay, nhơn lúc nhà vắng người, con gái tôi, tên là Hồng-Vân, chạy ra chơi trên đường xe-điện, thật là nguy-hiểm lắm. Chuyến xe-điện thiếu đều dè nát nó, thì cậu vừa đến kịp mà cứu nó. Cũng vì cứu nó nên cậu bị thương khá nặng. Chính vợ chồng tôi đã đưa cậu đến nhà thương tư nầy để thầy thuốc chữa cho cậu. Chúng tôi rất cảm ơn cậu vì đã liều mình cứu con gái rất yêu-quí của chúng tôi.

—Thưa bà, tôi chỉ làm bỗn-phận. Chúa Jê-sus đã liều mình cứu tôi, nên tôi phải liều mình cứu kẻ khác.

—Ồ! Cậu tin theo Đức Chúa Jê-sus! Tôi cũng là môn-đồ của Ngài. Quí-hóa thay! Chúng tôi mới dời về Hà-nội, nên chưa gặp cậu. Thầy thuốc nói rằng độ mười ngày cậu sẽ lành-mạnh như cũ. Nhưng chúng ta cũng nên nhờ quyền-phép của Đức Chúa Jê-sus cứu-chữa cậu.

Nói xong, bà Tuyền quì bên giường cậu Oanh mà cầu-xin Chúa chữa bệnh cho cậu.



Lễ Giáng-sanh đã tới rồi! Ông bà Tuyền là tín-đồ sốt-sắng và kính-mến Chúa, nên đến lễ nầy, thường mời nhiều anh em trong Chúa đến dự tiệc vui. Cậu Oanh mới lành-mạnh mấy bữa nay, về ở tạm nhà ông bà Tuyền, và cũng được ngồi đó dự tiệc. Ông mục-sư thay mặt những người được mời mà mừng ông bà Tuyền vì em Hồng-Vân thoát nạn, và khen cậu Oanh vì đã liều thân cứu người. Ai

nấy cúi đầu cầu-nguyện cảm-tạ Đấng đã ban Con một xuống cứu muôn dân.

Họ dự tiệc rất vui-vẻ. Tiệc xong, họ sang phòng khách, ngồi uống nước và chuyện-trò. Khi ai nấy đã ra về, ông bà Tuyền bèn hỏi cậu Oanh cho biết nhà-cửa, cha mẹ và tình-cảnh của cậu. Câu hỏi ấy làm cho cậu mũi lòng đến nỗi gục đầu, khóc nức-nở. Một hồi lâu, cậu mới nói ra nào mẹ mình chết sớm, nào mẹ ghẻ ác-nghiệt đến nỗi mình phải bỏ nhà đi bán báo, nào khi mình trở lại cùng Đấng Christ.

Nghe xong, ông bà Tuyền cảm-động đến nỗi nước mắt chảy ròng-ròng. Bà thồn-thức nói với cậu rằng :

—Tôi xin làm mẹ yêu-dấu của em !
Ông rằng :

—Tôi xin làm cha yêu-dấu của em !
Rồi ông nắm tay mặt cậu, bà nắm tay trái cậu, và cả hai nói rằng :

—Em sẽ làm con của chúng tôi !

Vừa cảm-động, vừa vui-mừng, cậu Oanh đáp :

—Tôi xin cảm ơn ông bà. Ngày nay tôi mới biết «mọi sự hiệp lại làm ích cho kẻ yêu-mến Đức Chúa Trời.»

Từ đó cậu Oanh thôi hẳn nghề bán báo, và được yên lòng học-tập ở lớp nhứt của một trường tư. Cậu đối với cha mẹ nuôi rất lễ-phép, kính-mến, ngoan-ngoãn, lại chăm-chỉ học-hành và được mọi người yêu-chuộng. Bởi vậy, ông bà coi cậu như con ruột. Em Hồng-Vân rất vui-vẻ, lanh-lẹ, nên khi nào cậu buồn-rầu vì nhớ lại buổi xưa mà có em đến đùa-ngịch, thì cậu lại tươi-cười. Kỳ nghỉ nắng đó, cậu thi đậu bằng Sơ-học Pháp-Việt, và đến khi thi vào trường Trung-học Bảo-hộ, được đậu thứ năm. Ông bà Tuyền cho cậu ăn-ở luôn trong trường.



Tuy nhờ cha mẹ nuôi mà được sung-sướng và yên thân, cậu Oanh cũng không quên được cha ruột của mình, tức là ông Xung. Cậu hằng nhớ cầu-xin Đức Chúa Jê-sus dắt-đem ông trở lại cùng Ngài. Cậu không dám về thăm

ông, e bị ông đánh. Nhưng cậu cứ đợi-chờ dịp tốt.

Ngày giờ đi rất mau-chóng, bỗng lại tới ngày 24 tháng chạp tây. Cậu Oanh đi bộ từ trường Bảo-hộ về nhà ông bà Tuyền. Dọc đường, cậu mua một tờ báo, vừa đi vừa đọc. Đến mục «Hà-nội,» cậu đọc tin một người tên là Lê-bá-Xung đau nặng, nằm ở xó đường, đã được đưa vào nhà thương. Cậu tái mặt, run-rẩy, vì biết là cha mình.

Bữa sau chính là lễ Giáng-sanh. Từ nhà giảng ra về, cậu vào nhà thương thăm cha. Cậu cầu-xin Đức Chúa Jê-sus ban ơn cho mình để dắt-đem cha trở lại cùng Ngài. Cậu thấy ông nằm trên giường, trùn mền từ đầu tới chơn, và rên khừ-khừ. Theo lời người làm thuốc ở đó, thì vợ kế của ông Xung lấy hết tiền-của, áo-quần mà trốn mất tích, còn ông thì vì ghiền rượu mà mất việc, đi lang-thang ngoài đường. Ông không chịu nổi tiết lạnh mùa đông và sự đói lòng, nên lâm bệnh nặng và nằm ở xó đường. Linh tuần-cảnh đưa ông đến nhà thương.

Một lúc sau, ông Xung bớt cơn đau, bèn lật mền, mở mắt nhìn quanh-quất. Ông thấy cậu Oanh đứng đó, thì lạ-lùng khôn xiết. Cậu kể cho ông biết mọi sự xảy ra từ khi mình bỏ nhà ra đi, rồi khuyên ông tin Đức Chúa Jê-sus. Ông bằng lòng vì bấy lâu nay lời làm chứng của cậu vẫn còn in trong lòng-dạ ông. Cậu cầu-nguyện cho ông, rồi ra về sau khi đưa biếu ông ba đồng bạc của mình để dành.

Cậu bước đi lẹ-làng, vẻ mặt vui-mừng hớn-hở, và không dứt tiếng ngợi-khen Đức Chúa Trời. Về đến nhà, cậu nói với ông bà Tuyền rằng :

—Tôi cảm-tạ Đức Chúa Jê-sus-Christ khôn xiết, vì lễ Giáng-sanh năm ngoái, tôi được làm con của ba má, và lễ Giáng-sanh năm nay, cha tôi được làm con của Đức Chúa Trời. Thật bây giờ tôi càng hiểu rõ rằng «mọi sự hiệp lại làm ích cho kẻ yêu-mến Đức Chúa Trời.»—*Đỗ-dức-Trí.*



HOA-TÂM HỘI

CHIM SẺ VÀ CHIM YẾN

ĐON-SO', không xinh-tươi đẹp-đẽ như con công, **con chim sẻ** ở cách-biệt trên mái nhà, chẳng ai nghĩ đến. Thật nó không có giá-trị mấy, hay bị người ta khinh-bĩ. Khắp cả thế-gian cũng có chim này; nó chịu trời nóng-nực, và cũng sống được tại miền hàn-đới. Bị người ta khinh-dễ, nhưng nó cũng ưa-thích nơi có người ta, và hay ở trong các thành-phố thuộc miền ôn-đới và nhiệt-đới.

Chuồng bò và chuồng cừu thường có chim sẻ kêu riu-rít trên nóc, làm tổ trên sà ngang, và nuôi con cách vui-mừng tại đó. Từ đời thượng-cổ người ta hay bắt nó làm thịt, dù nó nhỏ-bé chỉ đủ một miếng mà thôi. Đức Chúa Jêsus phán về chim sẻ rằng, người ta bán hai con một đồng tiền và năm con hai đồng (tức là không kể đến con thứ năm). Dù người ta không chú-ý đến nó, nhưng chính Đấng Tạo-Hóa, là Cha yêu-thương ở trên trời, vẫn nhớ nó (xem Ma 10: 29; Lu 12: 6; Thi 102: 7; Châm 26: 2). Vậy, nếu chúng ta là người thấp-hèn đến đâu, ở cách-biệt và không được ai nghĩ đến mình, thì nên nhớ rằng trên trời có Cha yêu-thương mình, và Ngài chuộc chúng ta hơn muôn vàn con chim sẻ (Ma 10: 31 và Lu-ca 12: 7).

Com chim sẻ thật làm hình-bóng về người hạ-lưu, không ra gì theo



ý của người quyền-quí. Nhưng dù thật đơn-sơ, chất-phác, con chim sẻ vẫn có sự khôn-ngoaan lớn lắm, ai ai cũng nên bắt-chước. Nó biết tìm nơi ở trong Nhà-thờ của Đức Giê-hô-va, và đóng tổ mình tại Bàn-thờ của Chúa Trời (Thi 84 : 3). Người làm cha mẹ nên theo gương con chim sẻ mà dâng con mình cho Chúa tại Bàn-thờ Ngài, và nuôi con mình trong Nhà của Ngài. Ở đó có sự bình-yên lạ-kỳ. Đời xưa luật-pháp dạy rằng ai làm hại con chim nào đóng tổ tại Đền-thờ của Chúa thì đáng bị xử-tử. Không biết chắc người phá tổ ấy phải chết thật hay không, nhưng ta thấy con chim nào ở trên Bàn-thờ của Chúa, ắt được yên thân.



Con chim yến, tức là chim én, cũng là một giống đơn-sơ, bị người ta khinh-dễ. Nhưng trong Kinh-Thánh, dân Y-sơ-ra-ên nhận nó là loài tinh-sạch như chim bò-câu và chim sẻ vậy.

Người ta nói rằng chim yến chẳng hề đánh nhau, nhưng vẫn hòa-thuận, yêu-thương nhau cách khác thường. Vậy, nó làm gương sáng cho Hội-Thánh, cứ hòa-thuận và yêu-thương nhau, dù bị thế-gian bỏ qua. Theo nguyên-văn Hê-bơ-rơ, tên của chim yến có ý-nghĩa là : «Được tự-do,» chắc vì nó bay đây bay đó tùy ý mình, chớ chẳng bị ai bắt phục, và chẳng buộc phải theo đường nào. Nó bay cao ngất trong khoảng không xanh biếc, hay là liệng thấp trên ruộng-nương. Cũng một thể ấy, Hội-Thánh của Chúa được tự-do, khỏi cái ách của luật-pháp Y-sơ-ra-ên và của tội-lỗi, cũng khỏi

làm tội-mọi cho ma-quỉ và sự chết.

Chim yến cũng có danh-tiếng về sự bay sang ở nước khác theo thời-kỳ nhứt-định hàng năm (*migration*). Có thứ yến chỉ bay được 160 cây số một giờ ; nhưng có đủ chứng rõ ràng một thứ khác bay được hơn một nghìn cây số trong một đêm thôi. Nguyên linh-hồn ta cũng biết bỏ nơi nguy-hiểm mà bay về cùng Chúa mau như thế !

Đến kỳ thuận-tiện, chim yến biết bay về quê-hương mình, từ nơi lạnh-lẽo về miền ấm-áp (Giê 8 : 7). Hội-Thánh cũng nên biết các dấu-hiệu của những thời-đại để chực sẵn bay lên trời, tránh tai-vạ dưới đất (Ma 24 : 33, 34).

Chim yến và chim sẻ đều được Đức Chúa Trời khen-ngợi, vì hai giống yếu-đuối, đơn-sơ ấy đều biết nương-náu mình tại Đền-thờ của Chúa (Thi 84 : 3). Cũng vậy, ai nấy có thể đến cùng Chúa, dù chỉ là trẻ con hoặc người nghèo.

Một nghìn chín trăm mấy mươi năm về trước, Đức Chúa Jêsus giáng-sinh làm người tại nơi hèn-hạ ; Ngài là Chúa bình-an mà lại sanh trong chuồng bò ở làng Bết-lê-hem ; thiết tưởng ở trên nóc chuồng đó có các chim sẻ, chim yến kêu riu-rít êm-dịu để hoan-nghênh Người đau-đớn, Người cách-biệt, Người bị khinh-dễ. Trong chuồng bò làng Bết-lê-hem chắc không có con công (chỉ về sự kiêu-ngạo), hoặc chim phụng-hoàng (chỉ về sức-lực lạ-kỳ), nhưng chỉ có chim sẻ, chim yến, và có lẽ cũng có chim bò-câu tiếp-rước Đấng nhu-mì hạ mình đến nỗi giao-thiệp với những người thấp-hèn và những giống nhu-mì vậy.—*Chị Hoa-Hồng*.

ĐƯỢC TÁI-SANH TRONG CHUỒNG NGỰA

NHON đến thăm thành Luàn-đôn, ông giáo-sĩ kia vào một chuồng ngựa và nói cho gã cỡi ngựa thì biết về ơn cứu-rỗi. Gã này nói rằng :

— Đây không phải chỗ nói chuyện về đạo, thì thôi, xong chuyện ấy.

—Ồ, không phải xong chuyện đâu ! Chỗ này là khởi-đầu chuyện đó, chớ

không phải nơi cùng-tận. Vì đạo Tin-Lành bắt đầu tại một chuồng, Đấng Christ giáng-sanh trong cái chuồng, và chính anh có thể được sanh lại trong chuồng này.

Đoạn, ông cứ nói về Đức Chúa Jêsus, đến nỗi gã tiếp-nhận Ngài làm Cứu-Chúa của mình.—*Christian Herald*.



NHÌN QUA CỬA SỔ

(Truyện ngày lễ Giáng-sanh)

N NGÀY 25 tháng chạp tây. Từng trời hơi vẩn làm cho cảnh-vật có vẻ đìu-hiu, âm-thầm, lặng-lẽ. Ngon gió mùa đông rung-rinh cây-cỏ, dễ khiến người ta cảm-biết sự trống-trải, lạnh-lẽo của cuộc đời vật-dục. Khách bộ-hành đi vội-vã, xe-cộ chạy như mắc cửi, đủ cho ta biết Hà-thành là một nơi hoạt-động dường nào.

Bà Phán Hưng đi từ phố Hàng Ngang đến phố Chợ Hàng Da để vào nhà giảng Hội Tin-Lành dự lễ Giáng-sanh. Dẫu buôn to bán lớn, người ra kẻ vào tấp-nập suốt ngày, nhưng bữa đó, bà cũng đóng cửa lại để đi thờ-lạy Đấng Hải-nhi đã sanh tại Bết-lê-hem. Thật bà đã làm theo lời Chúa phán: «Trước hết hãy tìm-kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công-bình của Ngài, thì Ngài sẽ cho thêm các người mọi điều ấy nữa» (Ma-thi-ơ 6 : 33).

Bà đi để trước thờ-phượng Chúa, sau chịu phép báp-têm. Bà vui-mừng, hớn-hở hiện ra nét mặt...

Mấy tháng trước, bà được người bạn, là bà chấp-sự Khôi, cắt nghĩa cho hiểu về Đức Chúa Jê-sus, là Cứu-Chúa của loài người. Chịu cảm-động, bà bèn đi nghe giảng và cũng mua sách để kê-cứu đạo. Thấy anh em chị em tín-đồ có vẻ vui-mừng, bình-an, và nhứt là thành-thực, thì bà cũng muốn được như họ. Bà càng chịu cảm-động vì thấy họ chẳng những có đạo-đức, tin-kính ở nhà giảng, song ở nhà và ở mọi nơi cũng tỏ ra mình xứng-đáng với danh-hiệu tín-đồ Đấng Christ.

Rồi một ngày kia, nhơn dịp Hội-Thánh mở cuộc giảng phục-hưng, bà qui gối công-nhận Đức Chúa Jê-sus-Christ làm Cứu-Chúa của mình. Bà cứ siêng-năng nhóm-họp ở nhà giảng, nghe và làm theo lời dạy-dỗ thiêng-liêng quý-báu, nên đời sống bà được Chúa đổi mới trọn vẹn. Ai ai cũng nhìn-biết như vậy, cả đến chồng bà, là người triu-mến cồ-tục, cũng phải thâm nhận trong lòng rằng bà là một người mới. Bà nhờ ân-diễn Chúa mà chừa-bỏ mọi điều mê-tín, dị-đoạn, cúng-lạy tà-thần, thậm-chí ăn trầu, là một sự rất thường, bà cũng thôi hẳn. Thấy bà tin theo Đức Chúa Jê-sus, nhiều lần ông muốn kiểm-truyện rầy-rà; song ông nhận-biết trên mặt bà dường như có một ánh sáng thiên-thượng, dịu-dàng khó tả, nên ông không dám nói gì.

Bà đi, và tâm-trí bà vẩn-vương những ý-định tốt-lành. Bà suy-nghĩ về Đức Chúa Jê-sus đã từ-bỏ mọi sự vinh-hiến ở trên trời, chịu cực-khổ cho đến chết để cứu-chuộc bà. Rồi bà mập-mờ cảm-biết trước rằng mình sẽ phải chịu nhiều cơn thử-thách vì có kính-mến Ngài. Gần đến nhà giảng, một hồi chuông vang-lừng cắt đứt dây tư-tưởng của bà.

Bà cung-kính bước vào, ngồi trên ghế, cúi đầu cầu-nguyện, rồi lẳng-lặng nhìn chung-quanh để xem nhà giảng trang-hoàng thế nào. Bà chẳng làm như một số tín-đồ hễ chưa tới giờ nhóm-họp, thì trò-chuyện om-sòm, nào truyện buôn-bán, may-mặc, nào

truyện của mình, nào truyện kể khác.

Nhà giảng bửa đó treo cờ, kết lá rất đẹp-đẽ. Trên tòa giảng có treo một bức hoành cũng bằng lá, chung-quanh lấp-lánh những ngôi sao trắng-kim, và chính giữa có chữ NOEL bằng bông trắng nõn. Các cửa chớp đều đóng. Chiều sáng nhà giảng, chính là cây thông có hàng mấy chục ngọn đèn điện xanh, đỏ.

Tiếng đàn và giọng hát véo-von tỏ ra ai nấy rất mực cảm-động vì Đức Chúa Cha đã sai Con một xuống cứu loài người hư-mất. Sau khi ông mục-sư giảng đề: «Mục-dịch của Đấng Christ giáng-sanh,» thì bà Hưng chịu phép báp-têm với mười lăm người khác. Khi chịu phép ấy, bà hết lòng «coi mình như chết về tội-lỗi và như sống cho Đức Chúa Trời trong Đức Chúa Jê-sus-Christ» (Rô 6:11). Vậy, bà được dầy-dẫy Đức Thánh-Linh, và được đổi mới lạ-lùng trong tâm-hồn.

◆ ◆ ◆ ◆

—Mình đi đâu bây giờ mới về?

—Tôi đi nhà giảng để thờ-phượng Đức Chúa Trời và chịu phép báp-têm.

—Ừ, đi thì đi, chớ sao lại đóng cửa hàng lại? Người ta tưởng nhà mình có người chết thì sao?

—Phải đấy, mình ạ. Chính hôm nay nhà này có người chết.

—Mình điên rồi. Thôi hỏng! Mê đạo đến thế thì nguy to.

—Tôi không nói chơi đâu. Tôi chết về tội-lỗi, và sống lại nên người mới.

—Mình nói mầu-nhiệm quá, tôi không hiểu được. Nhưng này, gần đến ngày giỗ thầy rồi, mình có định làm chi không?

—Tôi tưởng nên hiếu-kính cha mẹ lúc sanh-tiền thì phải lễ hơn....

—Tôi đã biết như vậy, song sự giỗ-tết là một cổ-tục lưu-truyền mấy ngàn năm rồi, nếu nhứt-đán bỏ đi, sao khỏi bị họ chê-cười. Mình không cúng thì tôi cúng, mình cứ làm cỗ-bàn cho sẵn là được rồi. Ý tôi đã quyết, mình chớ nên cưỡng lời.

Đó là câu chuyện của ông bà Phan Hưng, sau khi bà đi dự lễ Giáng-sanh về. Nghe ông kết-luận như vậy, bà gượng tươi-cười, lảng-lặng đi vào nhà trong. Lòng bà đau-đớn vô-hạn, vì biết ông có tánh cương-quyết, còn mình thì không dám làm của cúng, e Đức Thánh-Linh sẽ buồn-rầu. Nhớ những lời hứa-nguyện trọng-thể trước mặt Đức Chúa Trời và Hội-Thánh, bà lại sanh lòng can-đảm, bèn quì gối trong phòng riêng mà cầu-xin Chúa giúp mình chịu mọi sự vì có danh Ngài.

Trước ngày giỗ ông gia, bà nói với chồng rằng mình chỉ bằng lòng giữ lễ kỷ-niệm giản-dị, chớ không dám làm giỗ và cúng-lạy. Ông Hưng tức-giận tái mặt, song nghĩ tình phu-phụ gần hai mươi năm trời, nên chẳng nói chi. Từ đấy, ông có vẻ buồn-rầu, thường đi chơi suốt đêm, chẳng ngó-ngàng chi tới vợ con, nhà-cửa.

Rồi một ngày kia, ông nói cho bà biết rằng mình được lệnh dời đi Huế, và sẽ đi một mình. Thật ra thì chính ông tự xin đi, chớ không phải quan trên đòi ông. Bà thừa biết rằng ông buồn vì mình tin Đức Chúa Jê-sus, nên mới quyết đi xa như vậy. Nghĩ vợ chồng mười mấy năm trời chưa hề xa-cách, mà nay kẻ Bắc người Trung, bà không sao cầm được nước mắt. Nhưng bà phải gượng vui mà sửa-soạn hành-lý cho ông.

Về phần ông cũng buồn-bực lắm. Mấy năm trước ông đã đi nhà giảng nhiều lần, song không để ý đến sự cứu-rỗi của Đấng Christ. Bây giờ bà tin Ngài và làm sáng danh Ngài bởi cách ăn nết ở hiệp với đạo Tin-Lành, thì ông bị Đức Thánh-Linh cáo-trách dữ-dội. Nhiều lần ông muốn tỏ ý tin theo Đấng Christ, song bị ma-quỉ ngăn-trở, và cũng sợ người đời chế-nhạo là bỏ tổ-tiên. Ông muốn đi xa để tránh sự cáo-trách đó, chớ trong lòng ông đã cảm-phục đạo Đấng Christ từ lâu rồi.

Vào chốn sông Hương-núi Ngự để làm say-đắm lòng người, ông Hưng

không khỏi bị cuốn theo cuộc vui-chơi, tửu-sắc. Hột giống Tin-Lành gieo vào lòng ông bấy lâu dường đã bị nghẹt-ngòi. Ban đầu ông còn gởi thơ-từ, tiền-bạc cho vợ con, rồi sau ông thôi hẳn. Một ngày kia, bà Phan Hưng tiếp được thư của ông Nguyễn-thanh-Tuyền, tham-tá ngạch Bru-điện ở Huế và là em họ của bà, cho hay rằng ông Phan Hưng đã lấy một thiếu-nữ lãng-mạn làm vợ, song chẳng có cưới-xin chi hết.

Tin sét đánh ấy làm cho bà Hưng đau-đớn vô-cùng, nhưng bà biết Đức Giê-hô-va làm mọi sự đều tốt-lành, nên chẳng dám lăm-bắm, oán-trách, chỉ sắp mình cầu-xin Ngài giúp mình uống nỗi chén đắng-cay. Vậy, sự bình-an của Đức Chúa Trời vượt quá mọi sự hiểu-biết giữ-gìn lòng-dạ và ý-tưởng bà trong Đức Chúa Jê-sus-Christ.



Năm năm đã qua. Trong thời-gian ấy bà Phan Hưng vẫn hết lòng kính-mến Chúa và giữ đạo của Ngài. Được cử làm chấp-sự, bà siêng-năng nhóm-họp hơn trước, lo thăm-viếng tín-đồ và người ngoại-đạo, lại dắt được nhiều bà-con trở về cùng Chúa. Còn trong gia-đình, thì bà nhờ ân-điền Chúa, lấy sự yêu-thương, công-bình mà chăn-nuôi, dạy-dỗ hai con gái, hai con trai. Ba năm trước, con gái lớn của bà, là cô Tuyết-Tâm, đã sánh duyên cùng giáo-sư Trần-trọng-Nghĩa. Còn một cô, hai cậu kia đều đi học trường nhà-nước. Bà hằng nhớ cầu-xin Đức Chúa Trời Toàn-năng cứu-vớt chồng mình cùng xây-lại chốn gia-đình êm-ấm.

Thấm-thoát lại đến ngày lễ Giáng-sanh. Trước lúc đi nhà giảng, bà Hưng nhóm-họp con-cái và đầy-tớ để làm lễ-bái gia-đình. Cô Tuyết-Tâm sanh được một trai đã biết đi lững-chững; hai vợ chồng cũng nhóm-họp.

Đương khi họ quì gối cầu-nguyện, thì ngoài cửa kính đóng lại (nhà bà Hưng ở đầu phố), một ông chừng bốn mươi tuổi, vẻ mặt buồn-rầu, thất-vọng

dường đã trải bao cơn gió bụi, đứng trân mà ngó-xem không chớp mắt. Thấy bức tranh gia-đình tốt-đẹp mà cảm-động đó, ông dường như hồi-hận khôn xiết. Nét mặt ông dịu lần lần, và hai dòng lệ thấm ướt gò má ông. Rồi ông thỉnh-linh quả-quyết bước đi.

Nhà giảng mới chữa rộng thêm, và trang-hoàng đẹp-đẽ. Anh em tín-đồ nhóm-họp rất đông. Giảng xong, ông mục-sư để một ít thì-giờ cho anh em chị em làm chứng về ơn-phước Chúa ban cho mình trong cả một năm. Từ hàng ghế cuối-cùng, một ông chừng bốn mươi tuổi đứng phắt dậy, cổ cầm sự cảm-động, thồn-thức mà rằng :

—Tôi cảm ơn Đức Chúa Trời, vì ngày nay Đấng Christ giáng-sanh trong lòng tôi! Năm năm trước, thấy vợ tin Chúa, tôi bèn bỏ nhà, xin đổi đi Huế. Tại đó, tôi lấy một ả giang-hồ, và bị nó bòn hết tiền-của. Tôi cũng sanh ra chơi-bời bậy-bạ, phạm đủ mọi thứ tội-lỗi. Trong cơn sa-ngã nặng-nề này, tôi thương vợ, nhớ con, và tiếc chốn gia-đình êm-ấm bèn bỏ ả giang-hồ khốn-nạn kia, và xin quan trên cho đổi ngay về đây. Sáng nay, tôi về nhà vợ, đứng nơi cửa sổ mà xem cuộc gia-đình lễ-bái. Đức Thánh-Linh cáo-trách tôi dữ-dội, và những lời Tin-Lành tôi nghe từ trước dường như gươm bén đâm thấu tâm-hồn tôi. Chịu thua, tôi đã kêu-cầu Đức Chúa Trời tha tội cho tôi bởi công-lao của Đấng Christ. Tôi cũng xin vợ con tôi tha cho tôi cái tội cố-ý phá gia-đình và đức-tin của vợ. Quả thật, ánh sáng thiên-thượng trên mặt vợ tôi và sự yêu-thương, đức-tin, nhịn-nhục, nhơn-từ, nhu-mì, cầu-nguyện của vợ tôi kết-cục đã đưa tôi đến quì trước máng cỏ thành Bết-lê-hem mà thờ-lạy Đấng Hải-nhi Cứu-thế. A-men!

Ai đó? Chính là ông Phan Hưng. Trên ghế đầu, bà Hưng nức-nở khóc, nhưng là tiếng khóc vui-mừng và cảm-kích văng ra từ trái tim đầy-dẫy tình yêu thiên-thượng.—*Đỗ-đức-Trí.*



Linh giới mở đường

Lịch-sử các nhà truyền-giáo trứ-danh



JOHN GIBSON PATON

CHƯƠNG THỨ TƯ

TÌM NƯỚC UỐNG Ở ĐÂU?

(Tiếp theo và hết)

TRỜI nắng như thiêu-đốt mà đứng cuốc cát, và nhứt là ông lại không quen tay, thật là một công-việc nhọc-nhằn. Cách vài giờ, *Paton* mỗi-một, nên phải nghỉ-ngơi. Nhưng bây giờ

ông nảy ra một ý rất hay, bèn chạy về nhà, đem ra vài cái lưỡi câu của nước Anh làm và được thồ-dân quý lắm. Rồi ông nói như vậy:

—Người nào đội ba thùng đất ra khỏi hố tôi đang đào, thì tôi sẽ cho người ấy một vật quý-báu này.

Một bọn người lập-tức tình-nguyên giúp-đỡ, và sau một lúc, việc vẫn chưa xong, dầu *Paton* vừa tiếc, vừa thấy giếng sâu chừng nào, thì các lưỡi câu mà mình sắm-sẵn cũng hao-

hút rất mau hơn chừng ấy. Nhưng một buổi tối kia, ông vui-vẻ thấy đã đào sâu được gần bốn thước tây; vậy mà than ôi, chính tối đó, hố lại gần đầy đất vì một mé bờ sụp xuống!

Namakei thấy sự tai-hại ấy, bèn đến nói cùng *Paton* rằng:

—*Missi* coi đó, các thần nổi giận. Nếu đất rơi xuống đang khi ông đứng trong hố, thì ông chết rồi; bây giờ các tàu lớn của nước ông sẽ tới và nhiều người da trắng khác sẽ vác súng mà hỏi chúng tôi rằng: «Các người đã làm

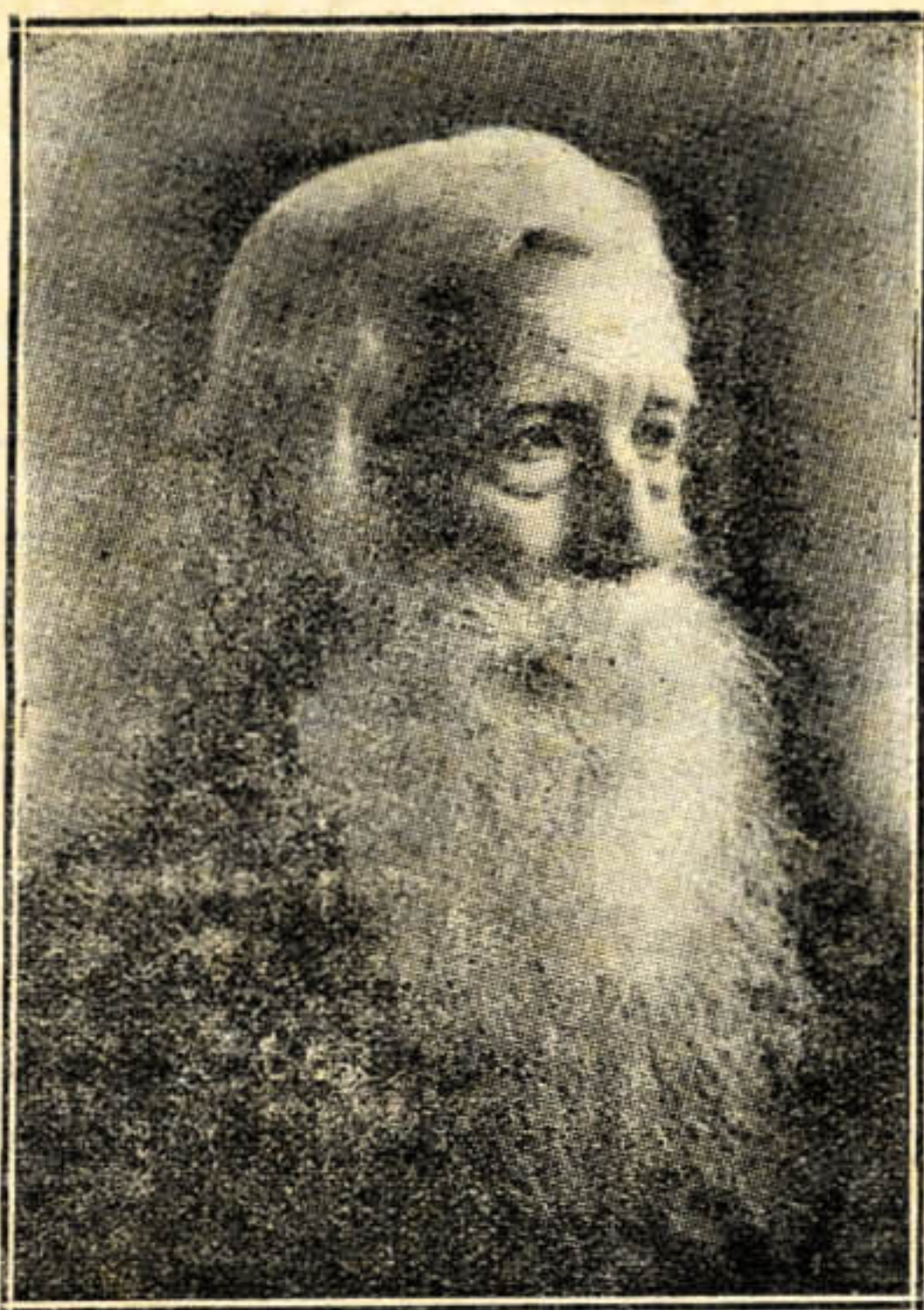
gì người giảng đạo cho mình?» Chúng tôi sẽ đáp: «Ông ấy tự chôn sống tại nơi này.» Nhưng họ sẽ không tin và nói thêm: «Các người nói dối; các người đã giết *Paton* và ném xuống hố này.»

Rồi họ bắn chết chúng tôi; như vậy, ông gieo sự chết cho chúng tôi, chớ chẳng phải cứu-giúp chúng tôi. Vả, thưa *Missi*, ông không thể cứ làm việc nữa, vì bây giờ chẳng có tên bộ-hạ nào của tôi dám xuống hố mà đỡ-dần ông. Thưa *Missi*, thật vô-ích quá; ông nên thôi đi. Mưa có khi nào ra từ nơi thấp, từ lòng đất đâu?

Vậy mà *Paton* không ngã lòng; ông vẫn làm việc. Nhưng ông nhờ từng-trải mà nên khôn-

ngoan, bèn dùng nhiều thanh củi lớn chống-giữ bờ hố, lại đóng một cây đà vào các thanh củi, rồi bắc một cái róc-rách (*poulie*) có dây chạc vào cây đà; ở đầu dây, ông buộc một cái thùng lớn nhứt. Thồ-dân dầu không chịu xuống giếng, nhưng ít nữa, khi nghe báo hiệu, họ cũng có thể kéo dây để đem đất lên. Cái chước đó thật có kết-quả tốt. Lúc báo hiệu, cả bọn da đen được dịp giải-trí, bèn kéo dây, đỡ thùng, đổ đất rồi lại dòng xuống.

Trong giếng mau sâu, nhà truyền-



JOHN GIBSON PATON (1824-1907)

giáo làm việc không ngừng tay. Ông luôn nghĩ thầm: «Nước sống, nước sống,» dường như chính Đức Chúa Trời cất giọng nài-nỉ mà nhắc mấy tiếng ấy cho ông nghe. Nhưng thỉnh-thoảng ông lại hồ-nghi. Có lẽ cả công-cuộc lớn-lao này sẽ ra vô-ích, hoặc chỉ tìm thấy nước mặn mà thôi chẳng! Chẳng có dấu-hiệu nào tỏ ra rằng dòng nước ngọt đang ở dưới lớp đất cứng-rắn và hơi trắng này. Song tiếng kia, trực-giác kia hằng bảo ông cứ làm việc. Ông đào tới chín, mười, mười một, đến mười hai thước mà vẫn chẳng có gì. Nhưng rồi lại, một bữa kia, ông thấy đất đã ẩm-thấp.

Đến tối, ông nói với *Namakei* rằng:

—Cụ tù-trưởng ơi, tôi tin rằng ngày mai Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ ban cho chúng ta nước mưa ở dưới đất.

Nhưng vừa mới báo tin-tức quan-trọng ấy, ông lại sanh ý hồ-nghi. Sao ông có thể biết chắc rằng nước đó không mặn? Nhưng này, ông nói bởi đức-tin, và đức-tin ông chẳng bị thất-vọng. Sáng bữa sau, nước hiện ra nơi đáy giếng. Trước hết chỉ thấy bùn. Nhưng *Paton* hăm-hở cúi xuống, múc vào lòng bàn tay, rồi nếm thử. Ô, sung-sướng thay, nước ngọt mà! Ông cất tiếng đắc-thắng mà kêu to lên rằng:

—Cụ *Namakei* ơi, cụ *Namakei* ơi, Đức Chúa Trời thật đã ban nước mưa ở dưới đất cho chúng ta rồi!

Ông đào một chút nữa, đợi bùn lắng xuống, rồi múc nước vào chén của mình đã đem theo. Lòng vui-vẻ và cảm-kích khôn xiết, ông trèo thang mà lên mặt đất, đưa chén nước quý-báu cho *Namakei*. Cụ tù-trưởng uống và lấy làm lạ-lùng, sửng-sốt mà rằng:

—Thưa *Missi*, thật là nước ngọt, nước mưa. Đức Chúa Trời của ông quả là Đấng Toàn-năng. Nhưng, thưa *Missi*, nước này thuộc về ông. Ông có cho phép chúng tôi uống chẳng?

—Chắc có chứ, bạn ạ. Đó là nước của Đức Chúa Trời ban cho hết thảy

chúng ta. Ngài ban cho cả nhơn-dân dùng và này, các ông sẽ là người coi-giữ nước giếng.

—Song, thưa *Missi*, nước ngọt mãi chứ? Nó sẽ chảy tới luôn chẳng?

—Phải, Đức Chúa Trời ban nó cho ta bao lâu, thì nó sẽ chảy tới và ngọt bấy lâu.

—Thưa *Missi*, ông nói rằng nước ra từ đất, chẳng phải là giả-dối. Ông cũng không nói dối mà rằng chỉ có một Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Trời hay yêu-thương. Thưa *Missi*, từ nay tôi muốn thờ-phượng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông!

Cụ vui-mừng nhảy-nhót, múa-may. Mọi người nhóm-hợp tại đây ước-ao thấy nước mà Đức Giê-hô-va đã đặt dưới đất. Nhưng chẳng ai dám ngó liêu xuống giếng, vì đối với họ, phép lạ ấy dường như lớn quá; nếu họ thấy cái gì, chắc cái đó sẽ khiến họ quang mắt và ngã xuống hố tối đen. Tranh-luận hồi lâu, mới gỡ được mối khó-khăn theo cách dưới đây:

Họ đứng nối đuôi nhau, thành một hàng dài, nắm chặt tay nhau, rồi người thứ nhứt cúi xuống hố một cách khôn-khéo. Hắn thấy vùng nước lấp-lánh trong hố sâu thẳm, tối-tăm. Lúc đã chán mắt rồi, hắn bèn đến đứng cuối hàng; rồi tới lượt người khác kể hắn mà cúi xem. Họ cứ làm như vậy cho đến khi ai nấy đều được thỏa lòng tọc-mạch.

Việc đào giếng chưa xong. Có nước, song cũng phải giữ lấy chứ. Vậy, *Paton* lại xuống đáy, đem theo nhiều phiến đá lớn và phẳng để làm nền. Ông đổ-gọt, chấp-nối và sắp-dặt, rồi bắt đầu xây cái thành để giữ cho lòng giếng khỏi lở. Thật là một công-việc dai-dẳng, khó-khăn, nhưng lòng ông vui-thỏa và tay ông lẹ-làng.

Nhưng sức-lực ông có hạn, nên một ngày kia, ông đành phải nghỉ việc nửa chừng. Ông nói với thổ-dân rằng:

—Tôi phải nghỉ vài bữa. Khi nào lại sức, tôi sẽ làm nốt.

Cụ *Namakei* cảm-động, đáp rằng:
—Thưa *Missi*, không nên. Ông đã làm việc đủ rồi. Ông đã cho chúng tôi cái giếng này, ông đã mệt-nhọc vì chúng tôi. Thế là đủ, là quá rồi. Bây giờ chúng tôi sẽ xây nốt cái thành giếng. Xin ông ngồi sai-bảo các bộ-hạ tôi; chúng sẽ vâng theo mạng-lệnh của ông.

Bữa sau, họ xây xong thành giếng; *Namakei* tới thăm nhà truyền-giáo. Cụ nói rằng:

—Thưa *Missi*, Chúa-nhứt sau, đang khi thờ-phượng, ông cho phép tôi nói cùng nhơn-dân chẳng? Tôi sẽ bày-tỏ những lời đẹp lòng ông.

Paton bằng lòng. Mau như đám lửa, khắp cù-lao có tin báo rằng Chúa-nhứt sau cụ *Namakei*, tù-trưởng quyền-quí, sẽ giảng thế ông mục-sư. Dân-chúng nhóm đông như kiến để nghe cụ giảng.

Cuộc thờ-phượng bắt đầu, nhưng phải bớt thì-giờ từ lúc khai lễ đến lúc giảng, vì *Namakei* nóng-nảy quá chừng, múa cái búa sắc một cách rất nguy-hiểm cho kẻ ngồi gần, đến nỗi *Paton* nhứt-định để cụ nói thật sớm.

Đang khi bốn bề có vẻ yên-lặng dễ khiến cảm-động, kìa, cụ tù-trưởng đứng dậy. Cặp mắt sáng quắc, cụ múa-may quay-cuồng vì rất cảm-động, và cất giọng sang-sảng nói rằng:

«Hỡi các ông, các bà, các con trẻ trong đảo *Aniwa*, là những bạn-hữu của *Namakei* ơ, hãy nghe ta nói: Từ lúc *Missi* tới ở giữa vòng chúng ta, thì chúng ta nghe nói về nhiều điều siêu-việt và lạ-lùng quá cho mình, nên chúng ta cho rằng ông nói dối. Nhưng, hỡi dân ta, ông chẳng hề nói dối chúng ta trong các việc nhỏ-mọn. Vậy mà khi ông nói với chúng ta rằng chỉ có một Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời ấy là Thần, là Đấng yêu-thương, thì chúng ta lại lắc đầu mà rằng: ‘Ông nói dối.’ Ấy vì chúng ta không thể thấy Đức Chúa Trời, nên chẳng chịu tin lời ông.

«Lại có một việc lạ-lùng hơn nữa: Ông nói với chúng ta rằng có thể

tìm thấy nước mưa bởi đào hố dưới đất. Chúng ta lại nhao-nhao lên rằng: ‘Ông nói dối, ông điên-cuồng.’ Chúng ta không tin. Chúng ta nhạo-báng ông. Nhưng hiện nay chúng ta biết ông chẳng nói dối, chúng ta thấy ông nói thật. Trước chúng ta không thể thấy nước dưới đất, nhưng kìa, nó thật có. Chúng ta không thể thấy Đức Chúa Trời, vậy mà có cái chi đó nói trong lòng ta rằng ông đã nói thật. Đức Chúa Trời thật có, Đức Chúa Trời đang sống. Một ngày kia, chúng ta sẽ thấy Ngài cũng như bữa nay chúng ta thấy nước mưa dưới đất vậy.

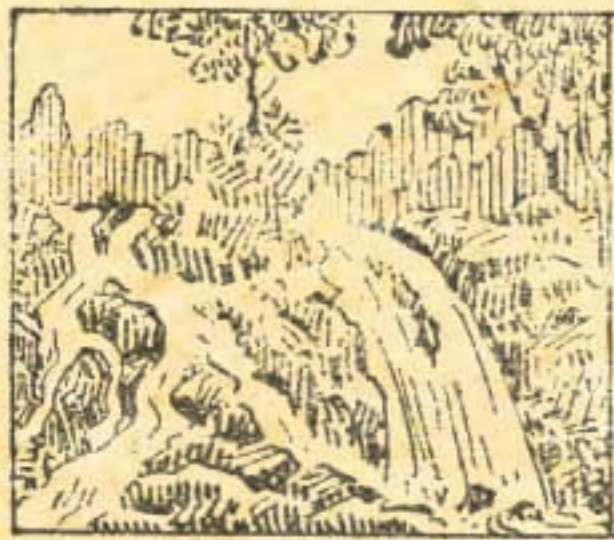
«Ôi! Hỡi dân ta, hãy thờ-phượng Giê-hô-va Đức Chúa Trời và hãy dẹp bỏ các hình-tượng bằng gỗ, chúng nó không thể nhậm lời cầu-nguyện. Chỉ có Giê-hô-va Đức Chúa Trời là Đấng hằng sống. Khi chúng ta thưa chuyện với Ngài, thì Ngài nghe. Ngài khiến nước ra khỏi đất. Hãy đem các hình-tượng tới đây và đốt đi, vì chúng nó không phải là Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã ban nước cho chúng ta sẽ là Đức Chúa Trời của *Namakei*. Ngài há chẳng có thể từ trời cao ban Con Ngài cho chúng ta, cũng như đã từ trong lòng đất ban nước cho chúng ta sao? Ngày nào *Missi* cũng nhắc lời đó cho chúng ta nghe và này, ông nói thật.

«*Namakei* xin tiếp-nhận Đức Chúa Trời, tức là Đấng đã sai Con, là Đức Chúa Jê-sus, đến bày-tỏ cho chúng ta biết cách sống trên đời.»

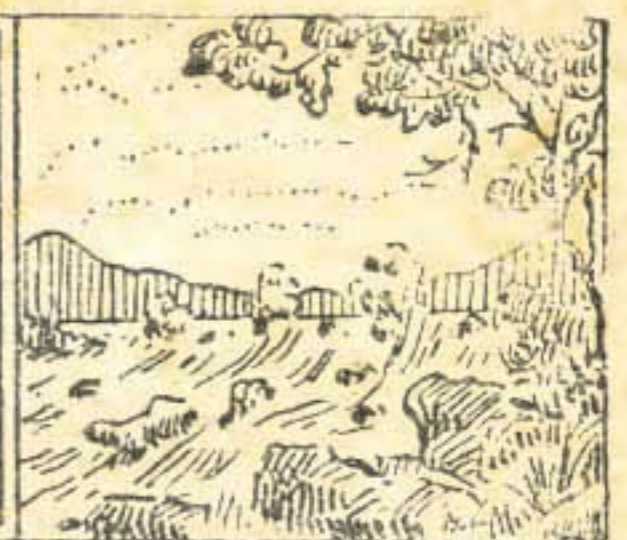
Kể từ ngày ấy, nhiều bầy-tôi của *Namakei* đem hình-tượng đến trước nhà *Paton*, và trong mấy ngày sau, hàng trăm hình-tượng bị thiêu-đốt. Dẫu còn nhiều sự phải làm, nhưng công-việc Đấng Christ được mở-mang tại cù-lao *Aniwa*, và cù-lao ấy lần lần trở nên Cù-lao Sáng-láng, chớ không còn thuộc về Tử-vong Quần-đảo nữa.

Đó, chúng ta thấy *John Paton* vì danh Đức Chúa Trời mà đại-thắng một lần nữa!

H Ế T



NƯỚC THIÊN = ĐÃ KHÁT =



«NẾU TA KHÔNG ĐẾN!»

(Giăng 15 : 22)

TINH-THẦN run-sợ, lòng-dạ buồn-thảm, từng trời trở nên tối-tăm như lúc nửa đêm. Tiếng-rên-siếc thất-vọng vang-dậy suốt các thời-đại dai-dẳng của lịch-sử nhơn-loại.

Nếu Đấng Christ không đến! Lay Đức Chúa Trời ở trên trời, tôi thấy chi? Hãy hạ màn (bức sáo) che khuất cuộc đời người để mặt trời đừng rọi vào. Hãy nhắm mắt để khỏi thấy nhơn-loại hư-mất. Hãy gắng sức quên một loài không có Đức Chúa Trời, không có hi-vọng trong thế-gian, một loài đã sa xuống dưới trình-độ thú-vật và vẫn cào-cấu cắn-xé lẫn nhau, một loài không còn cảm-biết sức kích-thích của sự thuần-khiết, trong-sạch, danh-dự, nhơn-tử, yêu-thương và chơn-lý,—một loài chỉ biết «công-lệ của thú rừng», tức là hơn thì sống, kém thì chết.

Nếu Đấng Christ không đến! Hãy bịt tai, kéo phải nghe tiếng kêu-la kinh-khiếp của muôn vạn con trẻ sanh ra trong một thế-giới chỉ biết các chủ-nghĩa của địa-ngục; những con trẻ ấy sẽ không hề được sự gì may-mắn, sẽ không hề nghe nói về lễ Giáng-sanh, hoặc nghe thuật sự-tích Giáng-sanh, là truyện búi tai nhứt thế-giới, hoặc bập-bẹ hát bài thơ thánh Giáng-sanh. Ước triệu con trẻ chết oan riều đi lũ-lượt trước mặt chúng ta kia sẽ dừng lại chẳng? Không, chúng nó cứ đi, cứ đi, cứ đi. Con trẻ chết oan của mọi thời-đại sẽ rên-siếc mãi mãi, vì đã chịu khốn-khổ suốt đời.

Nếu Đấng Christ không đến! Tôi thấy thần Mô-lóc được tôn làm vua cả thế-giới. Đâu đâu cũng có sự tử-vong, đồ-nát và hoang-vu. Tôi thấy một thế-

giới đầy-dẫy ghen-ghét, một thế-giới không được tia sáng yêu-thương và nhơn-tử nào cứu-vớt, một thế-giới có chiến-tranh không dứt, tại đó người ta hung-hăng cắn-xé kẻ đồng-loại cho đến khi loài người bị trừ sạch khỏi mặt địa-cầu.

Nếu Đấng Christ không đến! Lay Đức Chúa Trời! Ghê-gớm thay, buồn-thảm thay, tôi thấy một thế-giới có toàn những bài ca ghen-ghét, một thế-giới nhọc-nhân, thất-vọng, kinh-khiếp của loài người đã trở nên như máy-móc, cứ làm-lụng cho hao-mòn linh-hồn, thân-thể mà chẳng có hi-vọng gì, cứ chạy nhào tới nơi bị đoán-phạt và bị tối-tăm đời đời!

Nếu Đấng Christ không đến! Mồ-mả lạnh-thình; các từng trời đen ngòm vì cơn thanh-nộ của Đức Chúa Trời; cái đuôi gớm-ghiếc, xấu-xa của con rắn sẽ ngoe-nguẩy khắp nơi; tiếng rên-siếc của loài người thất-vọng sẽ vang-dậy bên tai ta; ma-quỉ và cả địa-ngục sẽ hớn-hở, vui-mừng; còn sự khốn-khổ của loài người sẽ làm tan-nát lòng ta.

Nếu Đấng Christ không đến! Nguyên ý-tưởng kinh-khiếp đó tiêu mất! Hãy nhắm mắt, đừng xem những sự trên kia nữa, hãy mở toang cửa sổ, hãy cuốn màn lên để ánh sáng mặt trời rọi vào. **ĐẲNG CHRIST ĐÃ ĐẾN!** Có ánh sáng, có tiếng cười cùng sự vui-mừng, bình-an trong lòng ước triệu người đờn-ông, đờn-bà mà Ngài đã cứu-chuộc. Điệu nhạc thiên-thượng chứa-chan linh-hồn họ. Họ uống no nơi dòng sông của Đức Chúa Trời đã phô-bày tại thành Bết-lê-hem, đã văng ra từ mồ-mả trống, và đương chảy khắp địa-cầu. **ĐẲNG CHRIST ĐÃ ĐẾN** dùng đạo Tin-Lành

mà giải-tỏ sự sống không hề chết. Sự bình-an và nhơn-ái là bài hát dọn đường cho Ngài giảng-sanh giữa loài người. Quả thật, hết thảy muôn vật chưa phục quyền Ngài, song theo lời các đấng tiên-tri, thì chẳng bao lâu Ngài sẽ lập sự công-bình trên đất và ban sự bình-an đến tận đầu-cùng thế-gian.

Hỡi những kẻ bối-rối, lo-lắng, hỡi những ông bà đương khom lưng dưới gánh nặng tội-khiên, ngày nay hãy đến thành Bết-lê-hem mà xem Con Trẻ sanh ra làm Cứu-Chúa của loài người, của các ông bà cũng như của tôi, và của mọi người tin-cậy Ngài! Hỡi các nước thế-gian vẫn luống công-tìm-kiếm sự hòa-bình trong các hội-nghị và điều-ước,—hãy đến thành Bết-lê-hem mà xem Con Trẻ sanh ra làm Vua trên các vua, làm Chúa trên các chúa, làm Đấng mà vạn-quốc vẫn ước-mong, và làm Chúa Hòa-bình!—*Ev. Christian.*



AI HIỂU THẤU ĐƯỢC?

ĐẤNG Christ là ngọc châu hiếm có, nhưng ít người biết giá-trị của Ngài. Ngài là mặt trời chói-lòa luôn, nhưng ít người thấy sự vinh-quang của Ngài, hoặc cố đi trong ánh sáng của Ngài. Ngài là khu vườn nhan-nhân những hoa thơm quả ngọt, là tổ ong tràn-trề mật, là mặt trời chẳng có một chấm đen nào, là ngôi sao sáng-láng luôn, là cây hương trổ bông mãi, là cái nền không hề suy-sụp, là người dẫn lối không hề lầm-lạc, và là bạn-hữu không hề lìa-bỏ ta.

Chẳng tâm-trí nào có thể dò thấu sự vinh-hiễn, tốt-đẹp và giá-trị của Ngài. Chẳng miệng-lưỡi nào có thể tuyên-bố hết tình yêu-thương của Ngài. Có chép về Ngài rằng: «Chẳng hề có người nào đã nói như người này» (Gi. 7: 46), và rằng: «Ngài làm mọi việc được tốt-lành» (Mác 7: 37).

Ngài là gốc mọi việc thiện-hiễn, là nguồn mọi điều tối-hảo, là gương trọn-lành, là ánh sáng thiên-thượng, là kỳ-quan đệ-nhứt của thế-giới, là công-

trình tuyệt-tác của muôn đời, là sự vinh-hiễn của cõi vĩnh-viễn, là tuyệt-điểm của hạnh-phước, và là đường vĩnh-sanh. Phải, NGÀI LÀ MỌI SỰ TRONG MỌI SỰ. Sa-lô-môn nói rằng: «Thật, toàn thể-cách Ngài đáng yêu-đương» (Nhã 5: 16). Ngài là buổi sáng không có mây mờ, là ban ngày không có bóng tối, là Hoa Hồng không có gai. Miệng-lưỡi Ngài dường như phun-nhả tàng ong. Mắt Ngài lòa ra thiện-cảm và từ-ái; lòng Ngài vang ra sự yêu-thương.

Tín-đồ được nuôi-nấng bởi bàn tay Ngài, được bông-ấm trên lòng Ngài, được nâng- đỡ bởi cánh tay Ngài, được chăm-nom trên ngực Ngài, được dắt-dẫn bởi con mắt Ngài, được dạy-dỗ bởi môi-miệng Ngài, và được ấp-ủ bởi tình yêu-thương Ngài. Những vết thương của Ngài là sự sống của họ; nụ cười của Ngài là ánh sáng của đường-lối họ, sức mạnh của linh-hồn họ, và sự yên-nghỉ cùng thiên-đàng của họ trên thế-gian này. Phải, Ngài trời hơn trong mọi sự, «hôm qua, ngày nay, và cho đến đời đời không hề thay-đổi» (Hê 13: 8).—*The Witness.*



MUÔN SAO THỜ-LẠY

“KÌA, NGÔI SAO!» (Ma 2: 9). *Kepler*, nhà thiên-văn-học trứ-danh, đã phát-minh rằng trong năm Đấng Christ giảng-sanh, có xảy ra một biến-động phi-thường giữa các hành-tinh. Ông xét trong năm đó, Mộc-tinh (*Jupiter*) và Thổ-tinh (*Saturne*) vốn ở xa nhau, lại đến gần nhau ba lần, đến nỗi mắt trần có thể thấy tia sáng của hai hành-tinh đó hút nhau. Sự hút đó sanh ra một ánh sáng rực-rỡ lạ-lùng suốt mấy tháng.

Song chúng tôi biết rằng ngôi sao dắt-dẫn ba bác-sĩ đến máng cỏ thành Bết-lê-hem là một ngôi sao đặc-biệt từ Ngôi thiên-thượng hiện ra và sáng chói, chớ chẳng phải là ba bốn ngôi sao nào đã hiệp chung ánh sáng đâu.—*F. B. Meyer.*



BÀI HỌC NGÀY = CHÚA NHỰT =



2 DÉCEMBRE, 1934

P. E. CARLSON

Ê-SAI KHUYÊN-LỚN NHỮNG NGƯỜI CẦM QUYỀN

(Ê-sai 31 : 1-9)

CÂU GỐC:—Người nào để trí mình nương-dựa nơi Ngài, thì Ngài sẽ gìn-
giữ người trong sự bình-yên trọn-vẹn, vì người nhờ-cậy Ngài

(Ê-sai 26 : 3)

LỜI MỞ ĐÀNG

LỜI khuyên-bảo của Ê-sai đã thúc-giục những người cầm quyền trong xứ Giu-đa, nên họ mới hay rằng đạo binh A-si-ri đương bước tới, và thành Giê-ru-sa-lem đương ở trong địa-vị rất hiểm-nghèo. Khi trước họ ít lo-sợ vì tưởng Ê-sai lo-lắng quá đời. Song bây giờ chính họ lo-lắng lắm vì thấy sự tai-hại gần đến, không sao tránh được. Sau khi bàn-luận, họ bằng lòng cho lời khuyên-bảo của Ê-sai là phải, song họ không ưng-chịu lời ông bày-tỏ phương-pháp cần-yếu cho họ được cứu khỏi sự hiểm-nghèo đó. Những người cai-trị nước Giu-đa nghĩ rằng một đấng tiên-tri có thể giảng đạo và lo về sự thiêng-liêng, chớ việc chánh-trị thì chắc Ê-sai không biết gì hết. Bởi vậy, họ trông-cậy người Ê-díp-tô, chớ không nhờ Đức Chúa Trời cứu-giúp mình.

1.—Lời tiên-tri nghịch cùng sự tin-cậy loài người (câu 1-3)

a) Cách thi-hành của Chúa.—Dạy-dỗ người Giu-đa về việc chánh-trị, Ê-sai không vượt phép của chức tiên-tri đâu, vì theo hiến-pháp của người Giu-đa, thì ông phải nói đến quốc-sự nữa. Nước Y-sơ-ra-ên thật là một Hội-Thánh (Sứ-dồ 7 : 38), nghĩa là một dân biệt riêng cho Đức Chúa Trời đặt làm trọn chức-vụ Ngài giao cho; nước ấy cũng có luật-pháp và chánh-phủ như mọi nước khác. Vì vậy, họ phải có chánh-sách ngoại-giao. Vả, luật này bởi Môi-se đặt ra, còn những tiên-tri chỉ nhắc lại và dạy nghĩa của nó. Được chính mình Đức Chúa Trời trị-vì, nước Y-sơ-ra-ên chẳng nên làm theo những nước khác trong thế-gian này (Xuất 23 : 32; Phục 7 : 2-5). Họ không nên

lập giao-ước với mấy nước kia, và nếu bị hăm-dọa, thì họ phải nhờ-cậy Đức Chúa Trời mà thôi. Theo phương-lược của Chúa, thì Y-sơ-ra-ên phải dùng câu khẩu-hiệu này : «Có người nhờ ngựa, có người nhờ xe binh, song chúng tôi sẽ nhờ Đức Chúa Trời mà thôi.»

Chúng ta, là Hội-Thánh của Chúa, cũng được biệt riêng cho Ngài, nên hãy chăm-chỉ nghe những lời Ê-sai khuyên đây, vì Đức Chúa Trời đã định một chương-trình cho Hội-Thánh và cho mỗi tín-đồ. Phước thay cho người nào theo chương-trình đó, vì sẽ không bao giờ lạc đường hoặc sa vào sự tối-tăm của đời này !

b) Cách thi-hành của thế-gian.—Những người cầm quyền trong nước Giu-đa chẳng bằng lòng làm theo cách Đức Chúa Trời đã chỉ-vẽ cho họ; trái lại, họ muốn giống như mấy nước lân-cận, nghĩa là họ muốn cỡi ngựa, đánh giặc, cất những thành kiên-cố, và hễ bị hăm-dọa, thì lập giao-ước với mấy nước khác để họ đến giúp mình. Vì có đó, Ê-sai cáo-trách họ rằng : «Khốn thay cho những kẻ xuống Ê-díp-tô đặt cầu cứu!..» (câu 1). Nước Ê-díp-tô đã nổi tiếng có ngựa rất tốt, linh kỳ thật giỏi, và xe binh đáng sợ; vì họ lắm khi-giới, nên nước nào cũng muốn kết đồng-minh và lập giao-ước với họ.

Theo Kinh-Thánh, thì nước Ê-díp-tô chỉ về quyền-phép của thế-gian này, và ai nhờ-cậy Ê-díp-tô tức là nhờ-cậy xác-thịt vậy. Khi con-cái của Chúa hay là Hội-Thánh nào làm theo cách không chánh-đáng của nhiều người ngoại-đạo đặt được tiền lo công-việc của Chúa, hoặc nhờ sự vui-sướng của đời này cho được thỏa lòng, hoặc không nhờ ân-điển và

huyết báu của Chúa Jêsus cứu mình ra khỏi địa-vị khốn-khó, thì có lời của đấng tiên-tri phán cùng họ rằng: «Khốn thay cho những kẻ xuống Ê-díp-tô dâng cầu cứu!» (Coi I Phie 2:11).

c) Cách thi-hành của thế-gian là vô-ích.—Ê-sai nói ngay-thẳng với họ rằng nếu họ theo cách đó mà không nhờ-cậy Chúa, thì sẽ bị thất-bại chẳng sai. Sao vậy? Vì:

(1) Đức Chúa Trời là Đấng khôn-ngoa (câu 2). Trong việc này, Ngài có thể dạy-dỗ họ một cách khôn-ngoa hơn người Ê-díp-tô mà họ nhờ-cậy đó. Ngài đã định một chương-trình cho người Giu-đa, song nếu họ không bằng lòng theo, thì chắc bị thua. Lúc đó có nhiều người thật khôn-ngoa đối với đời này, song ông *Huxley* đã nói: «Người giỏi thì thường lắm và đông như trái nho, nhưng ít có người ngay-thẳng.» Thật vậy, trong lúc đó dân Giu-đa cần phải có người ngay-thẳng, là người có đức-tin lớn đến Đức Chúa Trời.

Thiết tưởng nếu Ê-sai sống trong thời-đại này, thì ông sẽ khuyên những kẻ cầm quyền như vậy. Thế-gian hiện nay ở trong một địa-vị rất bối-rối, và các chánh-khách trứ-danh phải tru-sầu khi suy-nghĩ về tương-lai. Đã thấy vậy, tại sao trong những đại-hội-nghị bàn-bạc về cuộc hòa-bình, các đại-biểu không hiệp chung cầu-nguyện Đức Chúa Trời chỉ-tỏ cho họ phải làm cách nào? Tiếc thay! Ấy vì họ không biết «Đức Chúa Trời là Đấng khôn-sáng.» Khi anh chị gặp cảnh-ngộ khó-khăn nào, hãy tự nói rằng: «Đức Chúa Trời là Đấng vô sở bất tri; vậy, Ngài há không có thể chỉ cho tôi cách ra khỏi địa-vị này chẳng? Đấng dựng nên vũ-trụ này chắc biết cai-trị đời tôi.» Thật Đức Chúa Trời là Đấng khôn-sáng.

(2) Ê-sai cũng nói cách thi-hành của thế-gian là vô-ích, vì **Đức Chúa Trời là Đấng quyền-phép vô-cùng.** «Vả, người Ê-díp-tô là loài người, không phải là Đức Chúa Trời; những ngựa nó chỉ là xác-thịt, không phải là thần.» Trong câu này Chúa so-sánh vật-chất với thiêng-liêng đặng dạy người Giu-đa rằng năng-lực thiêng-liêng trỗi hơn hết, chớ không phải năng-lực vật-chất. Ông *Steinmetz*, là một nhà bác-học trứ-danh về môn điện-khí, đã nói rằng: «Tôi tưởng nếu nhơn-loại

phát-minh sự chi mới-lạ có quan-hệ cho thế-gian, thì sự đó phải là thiêng-liêng, chớ không phải là vật-chất. Một ngày kia, người ta sẽ biết rằng vật-chất chẳng giúp cho loài người được vui-vẻ hay là được quyền-phép trong đời mình. Bấy giờ những nhà khoa-học sẽ đổi phòng thí-nghiệm ra chỗ thử quyền-phép của Đức Chúa Trời bởi sự cầu-nguyện.»

II.—Ê-sai dạy người Giu-đa tin-cậy Đức Chúa Trời (câu 4-9)

Khi Ê-sai đã trách người Giu-đa hay tin-cậy loài người rồi, thì ông nói về cách Chúa bình-vực và phù-hộ những người tin-cậy Ngài. Tiên-tri dùng bốn thí-dụ mà dạy về sự lo-liệu của Đức Chúa Trời:

(1) **Con sư - tử** chỉ về Chúa là vô sở bất năng, và khi Chúa đánh kẻ thù-nghịch Ngài, thì không ai đứng nổi. Chính mình «Chiên Con của Đức Chúa Trời» sẽ trở nên «Sư-Tử của chi-phái Giu-đa» khi Ngài phá kẻ thù-nghịch nước Ngài. Chúng ta cần có Chúa như Chiên Con yên-ủi mình, và cũng như Sư-Tử phù-hộ mình.

(2) **Con chim** chỉ về lòng thương-yêu của Ngài. Vì thương-yêu con mình dường nào, nên chim mẹ dạn-dĩ đến nỗi bay xuống đánh đuổi con thú muốn phá ổ nó. Vậy, Chúa giống như con sư-tử hăng-hái và như con chim mềm-mại nữa.

(3) **Cái thuẫn** chỉ về cách Chúa phù-hộ dân Giu-đa. «... Ngài sẽ che-chở (nguyên-bồn rằng: lấy cái thuẫn mà che-phủ) và cứu-vớt cho...» Cảm ơn Chúa, chúng tôi có thể hát như vua Đa-vít rằng: «Ngài là cái thuẫn cho mọi người nương-náu mình nơi Ngài» (II Sa 22:31).

(4) **Vượt qua.** Chúa vượt qua Người Y-so-ra-ên khi Ngài hành-hại xứ Ê-díp-tô thế nào, (Xuất 12:13) thì khi hành-hại xứ A-si-ri, Ngài cũng sẽ vượt qua và gìn-giữ Giê-ru-sa-lem thế ấy.

III.—Ích-lợi của sự tin-cậy Chúa (31:8, 9; 37:36, 37)

«Trong đêm đó, có một thiên-sứ của Đức Giê-hô-va đi đến trong dinh A-si-ri, và giết một trăm tám mươi lăm ngàn người tại đó» (II Vua 19:35).

Thí-dụ về bài học (câu 5)

«...Ngài sẽ che-chở... và gìn-giữ cho.» Hồi xưa bên Mỹ có một ông già da đen làm tội-mọi cho một người giàu-có. Vả, ông tin thờ Chúa rất là trung-tín, còn

người chủ thuộc đảng vô-thần, nên hay tìm cách chọc ông chơi. Một ngày kia, chủ hỏi ông rằng:

—Hỡi Sa-mu-ên, người không sợ ma-quỉ bắt mình sao?

—Bầm ông, tôi không sợ chi hết.

—Ma-quỉ há chẳng mạnh hơn người nhiều sao?

—Bầm ông, phải, nó thật mạnh hơn tôi bội phần.

—Vậy, sao người không sợ nó?

—Vi tôi là sản-nghiệp của Đức Chúa Trời; khi nào ma-quỉ đến bắt tôi, thì tôi chỉ ngược mắt lên mà cầu-nguyện rằng: «Lạy Chúa, xin Ngài gìn-giữ sản-nghiệp của Ngài, vì ma-quỉ đến ăn cắp.» Và tôi biết Đức Chúa Trời có quyền gìn-giữ những kẻ thuộc về Ngài.

Trước khi học bài, xin đọc:

Ngày thứ hai, đọc Ê-sai 31:1-9—Ê-sai khuyên-lon những người cầm quyền.

Ngày thứ ba, đọc Ê-sai 37:14-20—Bài cầu-nguyện của Ê-xê-chia.

Ngày thứ tư, đọc Thi-thiên 51:1-13—Bài cầu-nguyện của Đa-vít.

Ngày thứ năm, đọc I Vua 8:22-30—Bài cầu-nguyện của Sa-lô-môn.

Ngày thứ sáu, đọc Châm-ngôn 1:24-33—Bỏ qua lời khuyên-lon.

Ngày thứ bảy, đọc Thi-thiên 72:10-20—Các vua phải phục Đức Chúa Trời.

Ngày Chúa-nhật, đọc Thi-thiên 21:1-7—Sự thắng trận bởi Chúa mà đến.

CÂU HỎI:

1.—Người Giu-đa suy-nghĩ thế nào về lời khuyên của Ê-sai?

2.—Nước Giu-đa giống như Hội-Thánh thế nào?

3.—Vi có nào Chúa không muốn người Giu-đa lập giao-ước với mấy nước khác?

4.—Nước Ê-díp-tô chỉ về gì?

5.—Tin-đồ xuống Ê-díp-tô dâng cầu cứu, sự ấy có nghĩa gì?

6.—Vi có nào tin-đồ bắt-chước người ngoại-đạo lại là vô-ích?

7.—Con sư-tử, con chim, cái thuận, và vượt qua chỉ về điều chi?

8.—II Vua 19:35 dạy-đỗ điều nào?

9.—Đức-tin của chúng tôi có kém đức-tin của ông già tôi-mọi trong thí-dụ không?

9 DÉCEMBRE, 1934

Ê-SAI SO-SÁNH SỰ THỜ-PHƯỢNG GIẢ VỚI SỰ THỜ-PHƯỢNG THẬT

(Ê-sai 1:1-20)

CÂU GỐC:—Ai sẽ được lên núi Đức Giê-hô-va? Ai sẽ được đứng nổi trong nơi thánh của Ngài? Ấy là người có tay trong-sạch và lòng thanh-khiết...

(Thi-thiên 24:3, 4)

LỜI MỞ ĐÀNG

TÊN «Ê-sai» nghĩa là «sự cứu-rỗi của Đức Giê-hô-va.» Ta ít biết về lịch-sử của ông tiên-tri này, song chính những điều ông đã chép là một thiên ký-truyện rất có giá-trị; có lẽ trong vòng những người chép sách, ông này đứng đầu. Vì ông đã mô-lả rõ-ràng chức-vụ của Đấng Mê-si, nên nhiều người muốn kêu ông là «Tiên-tri Tin-Lành.» Ông giảng cho người Y-so-ra-ên trải qua sáu mươi năm, và những bài giảng của ông chẳng khác nào cái nền của môn thần-học Tin-Lành vậy. Không có một quyển sách nào trong Kinh Cựu-Ước nói đến ân-diễn của Chúa bằng sách Ê-sai. Trong câu 1 có nhãn sách này là: «Sự hiện-thấy của Ê-sai.» Sự hiện-thấy này chẳng phải bởi trí tưởng-

tượng của tiên-tri mà ra đâu, bèn là những điều Đức Chúa Trời soi-dẫn, còn Ê-sai thấy điều gì thì chép điều ấy mà thôi.

1.—Tội-lỗi của Giu-đa và kết-quả của tội-lỗi ấy (câu 2-9)

Câu 2.—Đức Chúa Trời mời các tù trưởng và đất làm chứng rằng Ngài đã nuôi Giu-đa như con của Ngài, song họ đã dấy loạn. Người làm cha mẹ đều biết rõ rằng sự nuôi con, tập nó, cai-trị nó và kiếm tiền cho nó đi học là vui mà lại khó. Nếu con không biết ơn mà lại bội-nghịch cha mẹ, thì cha mẹ đau lòng khôn xiết. Một bà kia đã từng-trải sự đau lòng đó, nói rằng: «Khi con tôi còn nhỏ, nó hay đập trên chơn tôi; khi đã lớn, nó đập trên lòng tôi.»

Câu 3.—Người Giu-đa khinh-dễ sự dạy-

đồ của Đức Chúa Trời đến nỗi đã trở nên dai-dột hơn loài thú nữa. Nếu chúng ta chẳng kể tội-lỗi là rất hung-ác, đáng sợ và đáng ghê-gớm, thì trước sau chúng ta cũng sẽ coi nó là thường; rồi mình sẽ thờ-phượng Chúa bề ngoài mà thôi, và khi chống-trả ma-quỉ, thì sẽ thất-bại luôn.

Câu 4.—Dân Giu-đa chẳng những phạm tội bề ngoài mà thôi, nhưng cả lòng-dạ cùng bỗn-tánh của họ cũng đầy-dẫy tội-ác nữa. Cha mẹ đã truyền tật xấu đó cho con-cháu. Hết thấy tội-lỗi mà dân Giu-đa đã phạm đó đều do một tội-lỗi nặng hơn hết mà ra, tức là tội quên-bỏ Đức Giê-hô-va.

Câu 5.—Người Giu-đa bị Đức Chúa Trời sửa-phạt, nhưng cứ cứng-cỏi mà phạm tội thêm. «Đầu đều đau-đớn cả, lòng đều mòn-mỏi cả.» Thật, tội-lỗi là một bệnh rất nặng, rất hiểm-nghèo, vì phá luôn phần xác và phần hồn.

Câu 6.—Người nghèo cùng người giàu đều bị tai-nạn cả; không có ai yên-ủi họ. Câu này tóm lại địa-vị của người tội-lỗi: Họ xa-cách Chúa của mình, đầy những vết thương, vết xung cùng lẫn mới, thật đáng ghê-sợ. Và nói cho đúng, mọi người chưa ăn mình dưới sự công-bình của Đức Chúa Jê-sus-Christ, vẫn còn ở trong địa-vị đó.

Câu 7-9.—Đức Chúa Trời không bỏ Giu-đa, nhưng hoàn-cảnh khó chịu của họ chỉ là kết-quả do họ bỏ Đức Chúa Trời, vì bây giờ Ngài không thể lo-liệu cho họ nữa.

II. - Đạo-đức yếu-đuối của dân Giu-đa (câu 10-15)

Ê-sai quở-trách nặng-nề mấy người đứng đầu nước Giu-đa như vậy vì họ có trách-nhiệm lớn hơn hết. Tục-ngữ có câu: «Con cá chết rồi, thì cái đầu hôi-thúi trước hết.» Vì những người cai-trị có ảnh-hưởng rất lớn, và nếu họ làm không xứng-đáng, thì nhiều người sẽ bắt-chước họ. Ấy chẳng khác chi một cái đồng-hồ lớn ở ngoài chợ, nếu nó chạy không đúng giờ thì sanh ra nhiều việc lộn-xộn lắm, vì nhiều người nhờ-cậy nó phải lỡ việc, như lỡ xe-lửa và tới sở trễ giờ.

«Hỡi các quan-trưởng Sô-đôm, dân Gô-mô-rơ!» Người Giu-đa xưng mình là một dân thánh, ở trong một xứ thánh, hầu việc một Đức Chúa Trời thánh, có một

nhà-thờ thánh với thầy tế-lễ thánh ở trong một thành thánh. Họ xưng mình là một dân dâng của-lễ thánh, ăn đồ ăn thánh và giữ những ngày thánh. Song Ê-sai tỏ cho họ biết rõ rằng sự thánh-sạch mà họ khoe-khoang đó chẳng khác nào cái áo họ mặc dặng che khuất sự ăn-ở xấu-xa của họ. Tiên-tri cáo họ giống như Sô-đôm và Gô-mô-rơ (Ê-xê-chi-ên 16:49, 50). Chẳng phải bởi mặc áo linh mà mình trở nên người linh thật đâu; cũng một thể ấy, chẳng phải tự xưng là thánh mà mình trở nên thánh thật.

Câu 11.—Đức Chúa Trời không phản nghịch cùng những lễ đó, vì chính Ngài đã thiết-lập nó, song Ngài trách người Giu-đa dùng lễ một cách không xứng-đáng. Đức Chúa Trời đã thiết-lập những lễ ấy dặng cho người Giu-đa tỏ ra cảm-tình của họ, chớ chính lễ đó không có quyền gì lạ đâu. Chúa không chịu cách người Giu-đa thờ-lạy Ngài, vì đạo mà không có đức thì chẳng khác nào đạo bụt thần vậy. Khi mình thôi đạp xe máy, thì nó nhờ «đà» mà chạy một quãng nữa. Cũng vậy, tin-đồ đã sa-ngã rồi mà muốn làm bộ còn trung-tin, nên cứ đi nhà giảng và dự những lễ của đạo; thật họ là tin-đồ có danh mà không có thật.

III. - Đều Đức Chúa Trời đòi nơi dân Giu-đa (câu 16-20)

Câu 16, 17.—«Hãy rửa đi, hãy làm cho sạch!» Nếu tin-đồ muốn được giao-thông với Đức Chúa Trời, thì phải theo phương-pháp của Ngài đã lập (coi I Giăng 1:7). Anh chị có bước đi trong sự sáng không?

«Đừng làm dữ nữa... Hãy học làm lành.» Người nào cứ cố-ý phạm tội, thì không được tha-thứ, vì người tỏ ra mình chưa sanh lại. Muốn làm đẹp lòng Chúa, tin-đồ phải theo lời của ông Phao-lô: «Bất cứ việc gì tựa như đều ác, thì phải tránh đi» (I Tê 5:22). Đức-tin không có việc lành thì chết.

Câu 18-20.—Có lẽ ta nghĩ rằng một người có tánh rất xấu như Chúa đã chỉ-vẽ ra đó, làm sao lại dám đứng trước mặt một Đấng rất thánh-sạch? Chúa trả lời rằng: «Hãy đến, cho chúng ta biện-luận cùng nhau.» Đây tỏ ra lòng yêu-thương của Đức Chúa Trời và nền-tảng của đạo Tin-Lành. Đấng Tạo-Hóa mời loài người đến cùng Ngài dặng Ngài tỏ cho họ một

đạo ân-diễn, một thiên-đạo độc-nhút. «Dầu tôi các người như hồng-diễn, sẽ trở nên trắng như tuyết; dầu đỏ như son, sẽ trở nên trắng như lông chiên.» Lời hứa này quý-báu dường nào! Chẳng đạo nào khác có thể hứa như vậy được. Rửa lòng chúng tôi sạch-sẽ, đó là phần của Đức Chúa Jê-sus; còn «sẵn lòng vâng lời» là phận-sự của chúng tôi.

Thí-dụ về bài học (câu 18)

Một Hội-Thánh kia ở xứ Tô-cách-lan (Écosse) có con phục-hung, và nhiều người tin Chúa. Trong Hội đó có một ông chấp-sự tên là *Murray*, xưng mình là con-cái của Chúa đã năm mươi năm, song chưa từng-trải sự sanh lại thật. Một ngày kia, ông *Murray* đương coi một Thánh-Kinh Báo, thì gặp câu này: «Tin-Lành chẳng đem cho chúng tôi một **việc phải làm**, bèn là một **lời phải tin** về một **việc đã làm rồi.**» Ông mừng quá, nói với vợ rằng: «Bây giờ tôi mới hiểu rõ. Trải qua năm chục năm, tôi đứng bên ống khóa, và cứ rán sức mở cửa, song tôi không dè **cửa đã mở rồi.** Chúa không kể năm chục năm tôi rán làm việc đáng được cứu. Bây giờ tôi được cứu chỉ vì nhận Đức Chúa Jê-sus.» Ngài là cái cửa cho ta vào nước thiên-đàng.

16 DÉCEMBRE, 1934

ÔN LẠI MƯỜI BA BÀI TRƯỚC

CÂU GỐC:—Nước Chúa là nước có đời đời, quyền cai-trị của Chúa còn đến muôn đời

(Thi-thiên 145 : 13)

LỜI MỞ ĐÀNG

TRONG ba tháng rồi chúng tôi học về mấy tiên-tri này: A-hi-gia, Ê-li, Ê-li-sê Mi-chê (lúc A-hi-gia làm vua), A-mốt, Ô-sê, và Ê-sai.

Sử-ký của họ nói về họ phạm tội-lỗi, nguội-lạnh, ăn-năn, và được phục-hung. Các đấng tiên-tri cũng chép về cuối-cùng rất vinh-hiến của nước Y-sơ-ra-ên nhờ ân-diễn lớn-lao của Đức Chúa Trời mà được. Mỗi lần người Y-sơ-ra-ên phạm tội, thì Đức Chúa Trời sai đấng tiên-tri hoặc **quan xét đến sửa-trị** và giúp-đỡ họ, và mỗi lần họ ăn-năn, thì Ngài tha-thứ dỗi-dào. Thật Đức Chúa Trời rất thương-xót chúng tôi, và người nào đến cùng Ngài, thì Ngài không bỏ ra ngoài đâu. Song, trong đời Tân-Uớc này,

Trước khi học bài này, xin hãy đọc:

Ngày thứ hai, đọc Ê-sai 1 : 1-10.

Ngày thứ ba, đọc Xuất 19 : 7-13.

Ngày thứ tư, đọc Truyền-đạo 5 : 1-7.

Ngày thứ năm, đọc Thi-thiên 100 : 1-4.

Ngày thứ sáu, đọc Thi-thiên 84 : 1-12.

Ngày thứ bảy, đọc Khải-huyền 5 : 8-14.

Ngày Chúa-nhật, đọc Giăng 4 : 20-24.

CÂU HỎI:

1.—Tên «Ê-sai» nghĩa là gì?

2.—Cớ sao Ê-sai được kêu là «Tiên-tri Tin-Lành?»

3.—Sự hiện-thấy của Ê-sai có giống như chiêm-bao của ta không?

4.—Nếu tin-đồ không ghê-sợ tội-lỗi, thì kết-quả thế nào? (câu 3).

5.—Câu 4 dạy điều chi về ảnh-hưởng của cha mẹ?

6.—Xin tóm lại địa-vị của người tội-lỗi (câu 6).

7.—Cớ sao người đứng đầu có trách-nhiệm nặng-nề hơn hết? (câu 10).

8.—Người Giu-đa lừa-dối mình về sự thánh-sạch thế nào? (câu 10).

9.—Anh chị học thuộc lòng Ê-sai 1 : 18 chưa?

10.—Anh chị có từng-trải giống như ông *Murray* trong thí-dụ trên kia đã từng-trải không?

chúng tôi không cần phải sa-ngã luôn như người Y-sơ-ra-ên, vì chính Chúa Jê-sus muốn ngự vào lòng chúng tôi mà cai-trị. Dầu vậy, lời của những tiên-tri cũng có ích lắm cho chúng tôi, vì nhắc lại sự yếu-đuối của xác-thịt cùng sự nguy-hiểm do không vâng lời.

I.—Tiên-tri A-hi-gia—Nước Y-sơ-ra-ên bị chia-rẽ (I Vua 11 : 29-39)

Giê-rô-bô-am là vua «xui cho dân Y-sơ-ra-ên phạm tội.» Ông chịu nghe lời của tiên-tri A-hi-gia đã phán về nước Y-sơ-ra-ên sẽ bị chia-rẽ, song chẳng bằng lòng nghe lời khuyên-bảo và lời hứa của tiên-tri ấy. Còn Rô-bô-am phải mất ngôi vua nước Y-sơ-ra-ên vì đã kiêu-ngạo, đại-dột. Đức Chúa Trời tuyên-bố rằng cách Rô-bô-am cai-trị nước Y-sơ-ra-ên không đẹp

lòng đẹp ý Ngài một chút nào hết.

II.—A-sa nhờ-cậy Đức Chúa Trời

(II Sử-ký 15 : 1-12)

A-sa nhờ-cậy Đức Chúa Trời, và kết-quả nước Y-sơ-ra-ên thắng quân Ê-thi-ô-bi. A-sa nhờ-cậy nước Sy-ri, và kết-quả ông bị tiên-tri Ha-na-ni quở-trách, nước Giu-đa sa-ngã và thua trận.

III.—Đức Chúa Trời lo-liệu cho Ê-li

(I Vua 17 : 1-16 ; 19 : 1-8)

Vua A-háp bỏ sự thờ-phượng Đức Chúa Trời, lấy Giê-sa-bên làm vợ, và «người cũng đi hầu việc Ba-anh và thờ-lạy nó.» Bởi vậy, nước Y-sơ-ra-ên có hình-tượng khắp mọi nơi, và chén tội-ác của họ đầy tràn. Chính lúc đó Đức Chúa Trời sai tiên-tri Ê-li tỏ cho họ biết sự đoán-phạt hầu đến. Trong bài này cũng nói về Đức Chúa Trời lo-liệu cho Ê-li trong khi cầu-nguyện, vâng lời, tin-cậy và sòn lòng.

IV.—Ê-li nghe tiếng của Đức Chúa Trời

(I Vua 19 : 9-18)

Đức Chúa Trời phán cùng Ê-li trong đám lửa trên núi Cạt-mên; Ngài cũng phán bằng tiếng êm-dịu trên núi Si-na-i, và bởi Con một của Ngài trên núi mà Con được biến-hóa trước mặt ba môn-đồ. Đức Chúa Trời của ông Ê-li là cội-rễ nhiều thứ phước lành: Sự dư-dật, sự nhậm lời cầu-nguyện, tiếng êm-dịu, sự cứu-rỗi và sự sống đời đời.

V.—Mi-chê nói những lẽ thật

(I Vua 22 : 1-14)

Chúng tôi thấy lẽ thật so-sánh với sự giả-hình trong khi Mi-chê làm chứng trước mặt bốn trăm tiên-tri giả, trước mặt A-háp, là vua hung-ác, và trước mặt Giô-sa-phát, là vua sai-lầm. Ai muốn bắt-chước ông Mi-chê đừng có ảnh-hưởng tốt, thì phải xa-cách hẳn thế-gian và biệt mình riêng cho Chúa mới được.

VI.—Ê-li-sê giúp người túng-ngặt

(II Vua 4 : 1-44)

Ê-li-sê được gần-gũi với Đấng Chí-cai, và với loài người nữa. Tiên-tri này làm nhiều phép lạ đáng tỏ ra lòng thương-xót của Đức Chúa Trời đối với người hạ-lưu, tử như bà góa mắc nợ đó. Như vậy, Ê-li-sê làm hình-bóng về Đức Chúa Jê-sus, là Con Người, là Đấng đến thế-gian chẳng phải để kêu người công-bình, song để kêu kẻ có tội.

VII.—A-mốt khuyên dân Y-sơ-ra-ên làm sự công-bình (A-mốt 5 : 1-24)

Khi Giê-rô-bô-am thứ hai đương cai-trị dân Y-sơ-ra-ên, thì dân ấy phạm nhiều thứ tội-lỗi lắm, như sự bất-công, hà-hiếp người nghèo, thờ-phượng Chúa cách giả-hình, vân vân. Nên A-mốt khuyên họ mau mau ăn-năn và nhận lấy sự thương-xót của Chúa, bằng không, chắc họ sẽ bị đoán-phạt nặng lắm.

VIII.—A-mốt tố-cáo sự xa-xí của Y-sơ-ra-ên (A-mốt 6 : 1-7 ; 6 : 11-14)

«Khốn thay cho những người ăn-ở nề trong Si-ôn!» A-mốt lấy câu này mà trách người Y-sơ-ra-ên về hành-vi cử-chỉ luông-tuồng của họ. Thiết tưởng Chúa cũng muốn lấy câu đó mà quở-trách tin-đồ nào lười-biếng, không bằng lòng làm bổn-phận mình đối với công-việc Chúa. Vì Đức Chúa Jê-sus biểu chúng tôi phải chịu khổ như một người lính giỏi của Ngài, tức là bỏ những sự có thể ngăn-trở mình đánh trận với tội-lỗi.

IX.—Ô-sê giảng về sự yêu-thương của Đức Chúa Trời

(Ô-sê 11 : 1-4, 8, 9 ; 14 : 4-9)

Đức Chúa Trời dùng sự Ô-sê cưới vợ đáng buồn đặng tỏ cho dân Y-sơ-ra-ên biết sự yêu-thương của Ngài đối với họ. Ông Ô-sê giảng về hai thứ yêu-thương: Một là sự yêu-thương muốn cứu người chưa từng biết Ngài, và hai là sự yêu-thương muốn kéo người nguội-lạnh trở về cùng Ngài.

X.—Mi-chê bình kẻ bị hà-hiếp

(Mi-chê 2-4 ; 6 : 1-7 : 6)

Trong lúc này người Y-sơ-ra-ên hà-hiếp kẻ nghèo, và Đức Chúa Trời dùng miệng Ô-sê mà phán cùng họ rằng: «Hỡi người! Ngài đã tỏ cho người đều gì là thiện; cái đều mà Đức Giê-hô-va đòi người há chẳng phải là làm sự công-bình, ưa sự nhơn-tử và bước đi cách khiêm-nhường với Đức Chúa Trời người sao?» Bây giờ Ngài cũng đòi loài người phải làm như vậy, song ta biết rằng chỉ có một phương-pháp làm trọn ý-chỉ ấy, là nhờ sự sanh lại bởi quyền-phép của Đức Thánh-Linh.

XI.—Ê-xê-chia dắt dân trở về cùng Đức Chúa Trời (II Sử-ký 30 : 1-14)

Người Y-sơ-ra-ên rất bối-rối về vấn-đề kinh-tế, song địa-vị khốn-cực của họ chính là do sự thiếu-thốn thiêng-liêng.

Nhờ vua Ê-xê-chia, người Giu-đa lại bắt đầu giữ lễ Vượt-qua, và hơn đó có một cơn phục-hưng rất lớn cùng sự bình-an mọi bề.

XII.—Ê-sai khuyên-lơn những người cầm quyền (Ê-sai 31:1-9)

Khi đạo binh của nước A-si-ri bước tới dặng chiếm nước Giu-đa, thì những người cầm quyền trong nước ấy muốn nhờ nước Ê-díp-tô đến giúp mình; song Ê-sai khuyên họ tin Đức Chúa Trời thì tốt hơn. Chúa đã thưởng cho đức-tin của Ê-sai, vì Ngài làm một phép lạ mà binh-vực nước Giu-

đa và đuổi người A-si-ri ra khỏi nước đó.

XIII.—Ê-sai so-sánh sự thờ-lạy giả với sự thờ-lạy thật (Ê-sai 1:1-31)

Những lời của các tiên-tri A-mốt, Ô-sê và Mi-chê đã nói cho người Y-sơ-ra-ên, thì Ê-sai nhắc lại một cách quả-quyết lắm, vì tội-lỗi của Y-sơ-ra-ên tăng thêm mãi đến nỗi họ bị bắt làm tòi-mọi cho một nước khác. Họ không chịu nhìn-biết rằng Đức Chúa Trời là Thần và là Đấng thánh-khiết, nên Ê-sai khuyên họ ăn-năn và tiếp-nhận sự cứu-rỗi của Đức Chúa Trời.

23 DÉCEMBRE, 1934

NƯỚC BÌNH-AN CỦA Đấng MÊ-SI

(Ê-sai 11:1-9)

CÂU GỐC:—Vì thế-gian sẽ đầy-dẫy sự hiểu-biết Đức Giê-hô-va, như các dòng nước che-lấp biển

(Ê-sai 11:9)

LỜI MỞ ĐÀNG

BÀI học này nói về lễ Giáng-sanh, và được chép trong sách Ê-sai chừng 700 năm trước khi Chúa giáng-sanh. Trong mấy câu rất ngắn này, Ê-sai nói về lịch-sử Đức Chúa Jê-sus: Ngài sanh ra, có gia-phổ nào, đầy-dẫy Đức Thánh-Linh. Cũng nói về loài thú khi sự rửa-sả sẽ hết, và về nước của Chúa là nước chung cả. Ê-sai mô-tả rất hay, làm cho lòng ta hết sức trông-mong Chúa tái-lâm để được thấy những sự đó xảy đến. Khi đã học bài này, nguyện anh chị sẽ cầu-nguyện như Thánh Giăng: «A-men, lạy Đức Chúa Jê-sus, xin hãy đến!» (Khải 22:20).

I.—Căn-bổn của Vua (câu 1)

Lời tiên-tri (câu 1).—Theo Cựu-Uớc, thì sự cứu-rỗi các nước thế-gian cùng sự lập nước của Chúa phải do một Vua sẽ sanh ra và thuộc về nhà Đa-vít (Ê-sai 9:6, 7; 55:3, 4; Thi 72). Theo Ê-sai 11:1, thì nhà Đa-vít sẽ thôi trị-vì, cây sẽ bị đốn, và chỉ còn lại cái rễ, không ai có hi-vọng lập lại nhà vua đó. Song, trong ngày sau-rốt, từ rễ nhà Đa-vít đó sẽ nảy ra một nhánh, là Vua, là Đấng Mê-si.

Lời tiên-tri được ứng-nghiem.—Vả, đã đến lúc dân Giu-đa bị tan-lạc, và trải qua mấy trăm năm không có vua nào của nhà Đa-vít trị-vì nước Giu-đa. Trước khi Chúa Jê-sus giáng-sanh, nước Giu-đa bị người Rô-ma cai-trị, và có một người Ê-dôm làm tổng-dốc. Khi ấy có một thiên-sứ

hiện đến cùng bà Ma-ri (so-sánh Lu 1:31 với Ê-sai 9:6, 7). Đức Chúa Trời đã làm ứng-nghiem lời Ngài hứa, vì từ rễ cây của nhà Đa-vít nảy ra một nhánh đã kết nhiều quả thiêng-liêng cho muôn dân. Thật, nhánh đó coi không ra chi (Ê-sai 53:2), song, cảm ơn Chúa, mỗi tin-đồ đều biết rằng bây giờ Ngài là gốc nho, còn chúng ta là nhánh.

II.—Tur-cách của Vua (câu 2, 3)

Vua được xức dầu.—Khi đăng-cực, các vua Y-sơ-ra-ên đều chịu xức dầu; lễ này chỉ về họ nhận được Đức Thánh-Linh, và vua sẽ nhờ Ngài mà được sự khôn-ngoa, oai-nghiem cùng những tur-cách làm vua. Hai câu này nói về sự xức dầu thiêng-liêng cho Đấng Mê-si, là Vua trọn-vẹn sẽ cai-trị nước Giu-đa cùng muôn dân nữa. Sử-ký thế-gian tỏ rõ rằng ít có vua-chúa đã hạ mình xuống cây Chúa xức dầu cho mình; vậy nên khi gặp hoàn-cảnh bối-rối nào, họ không biết cách thoát khỏi.

Chúa Jê-sus thật là Vua. Khi Ngài sanh ra, họ xưng Ngài là «Vua dân người Giu-đa;» tại sông Giô-đanh, Ngài được xức dầu như Vua; trải qua mấy năm, Ngài giảng Tin-Lành về nước của Ngài; khi Ngài vô thành Giê-ru-sa-lem, người Giu-đa rước Ngài như là Vua thật; cái băng trên cây thập-tự cũng xưng Ngài là Vua, và chính người ăn cướp bị đóng đinh với Ngài cũng hiểu-biết Ngài là Vua của nước thiên-dàng vậy.

III.—Đời trị-vì của Vua (câu 4-9)

Sự xét-đoán công-bình.—Khi Đức Chúa Jêsus làm Người tại thế-giao, thì không ai lừa-dối Ngài được, và Ngài «nhòm qua, ngày nay, và cho đến đời đời không hề thay-đổi.» Khi Ngài xét-đoán, thì những tiếng đồn hoặc lời làm chứng dối chẳng phỉnh-gạt Ngài được; đều đó có thể an-ủi những người bị buộc tội oan, song cũng là một điều đáng sợ cho người bất-công mà vẫn xưng mình là vô-tội.

Chánh-sách thánh-sạch (câu 5).—Học sử-ký thế-gian, ta thấy biết bao người trị nước mà còn ăn hối-lộ và dùng nhiều cách kiếm tư-lợi. Song khi Chúa Jêsus làm Vua thế-gian, thì sự thành-tin sẽ làm đây ràng hông Ngài, và trên mặt đất những sự trộm-cướp, giết người, vân vân, sẽ hết, vì «Ngài sẽ đánh thế-gian bằng cái gậy của miệng mình, và lấy hơi thở nơi môi má giết kẻ ác.»

Bình-an khắp thế-gian.—Câu 6-8 dạy rằng loài thú sẽ mất tánh dữ, sẽ hòa với nhau và với người, đến nỗi «một đứa con trẻ sẽ dắt chúng nó đi.» Kết-quả của đời Chúa trị-vì là «nó chẳng làm hại, chẳng giết ai trong cả núi thánh của ta.» (Coi Rô-ma 8:19-22). Ê-sai cũng nói khi Chúa Jêsus trị-vì, thì mọi nước sẽ giao-hòa với nhau, và «người ta chẳng còn tập sự chiến-tranh.» Lúc đó sẽ có hòa-bình thật, vì đũa xui-gục loài người đánh giặc, tức là quỷ Sa-tan, sẽ bị xiềng trong vực sâu (Khải 20:3). Chúa Jêsus sẽ giải-quyết những việc bối-rối quốc-tế mà loài người giải-quyết không được, vì lúc ấy sẽ có một «Hội Quốc-liên» thiêng-liêng rất nghiêm-chánh, có chính Chúa Jêsus làm Lãnh-tụ. Hội ấy sẽ thi-hành một cách cương-quyết ngăn-ngừa-trở nước nào muốn chiến-tranh.

Sự hiểu-biết Chúa khắp mọi nơi.—Nhiều khi đi cắt nghĩa đạo, ta hỏi họ rằng: «Anh chị đã nghe nói về Chúa Jêsus-Christ chưa?» Biết bao người trả lời: «Chưa.» Buồn thay! Dầu đạo Tin-Lành đã được giảng mười chín thế-kỷ nay, nhưng vô-số người vẫn chưa nghe nói về sự yêu-thương lớn-lao và quyền-phép vô-cùng của Đức Chúa Trời. Song khi «Mặt Trời Công-bình» sẽ mọc lên, tức là khi Chúa tái-lâm, thì sự tối-tăm và dị-đoan trong tâm-trí người ta sẽ tan hết cả.

Khi giảng-sanh, Đức Chúa Jêsus dạy-dỗ loài người những điều mới về bản-tánh của Đức Chúa Trời vô-hình vô-tượng. Khi tái-lâm, Ngài sẽ tỏ cho thiên-hạ biết quyền-phép vô-cùng của Ngài. Ngoài sự tái-lâm của Chúa, thì thế-gian không có hi-vọng gì; khi Ngài đến, thì «thế-gian sẽ đầy-dẫy sự hiểu-biết Đức Giê-hô-va, như các dòng nước che-lấp biển.»

Thí-dụ về bài học (câu 1, và Giảng 1:14)

Hồi xưa nước Ba-tư có một vua, tên là *Shah Abbis*, yêu-thương dân lắm. Vua muốn quen-biết dân mình, nên có khi ông ăn-mặc như người thường mà đi thăm họ. Một ngày kia, vua đi thăm một cụ già nghèo làm cu-li, dùng bữa sơ-sài với cụ, và kiếm cách yên-ủi cụ. Vua thăm cụ luôn, và vua thăm bao nhiêu, thì cụ yêu-thương vua bấy nhiêu. Rồi một ngày kia, vua tỏ cho cụ biết mình là hoàng-đế nước Ba-tư, và hỏi cụ muốn xin ân-huệ nào. Song cụ có vẻ ngạc-nhiên, cứ dòm-xem vua lâu lắm, rồi mới tâu rằng: «Bệ-hạ đã bỏ cung-điện và vinh-hiến mà đến chỗ hèn-hạ này đặng giao-thông và yên-ủi tôi, cùng ăn bữa sơ-sài với tôi. Xin bệ-hạ ban đồ rất quý-giá cho bạn-hữu nào khác thì tốt hơn, vì bệ-hạ đã ban chính mình Ngài cho tôi rồi; đó là điều quý hơn hết. Xin bệ-hạ đừng lấy lại ân-huệ đó.»

Trước khi học bài, xin đọc:

Ê-sai 64: 18—66: 24.

CÂU HỎI:

- 1.—Sách này chép mấy trăm năm trước Chúa giảng-sanh?
- 2.—Bài học này gồm-tóm mấy điều trong lịch-sử Chúa Jêsus?
- 3.—Sự lập nước bình-an ở dưới đất phải do nơi ai?
- 4.—Một chồi từ gốc Y-sai có nghĩa gì?
- 5.—Đấng Mê-si được xức dầu tại đâu?
- 6.—Có điều chi tỏ cho ta biết rằng Chúa Jêsus thật là Vua?
- 7.—Khi Chúa lập nước Ngài, thì sự xét-đoán và cai-trị sẽ ra thế nào?
- 8.—Khi ấy loài người và thú rừng sẽ ra thế nào?
- 9.—Anh chị có hết lòng làm cho loài người hiểu-biết Chúa bây giờ không?
- 10.—Anh chị có cầu-nguyện và làm việc cho Chúa Jêsus mau đến không?



MỘT BÀI CA NGỢI-KHEN CHÚA

(Thi-thiên 103 : 1-22)

CÂU GỐC :—Hỡi linh-hồn ta, khá ngợi-khen Đức Giê-hô-va ! Mọi điều gì ở trong ta hãy ca-tụng danh thánh của Ngài !

(Thi-thiên 103 : 1)

LỜI MỞ ĐĂNG

ĐA-VÍT bảo linh-hồn mình phải ngợi-khen Đức Chúa Trời, vì đó là bổn-phận của mỗi người. Ông thuật lại những ơn-phước vật-chất và thiêng-liêng Chúa đã ban cho ông. Anh chỉ há chẳng được những ơn-phước đó sao ? Đa-vít cũng ca-tụng Chúa là Đấng đầy-dẫy sự nhơn-từ, hiền-đức hằng có đời đời. Nguyên anh chỉ đem hết tâm-hồn mà tập hát thi-thiên này !

I.—Hãy ngợi-khen Đức Giê-hô-va, chớ quên (câu 1, 2)

Chúng tôi đang khen-ngợi danh của Đức Chúa Trời luôn, vì dầu chúng tôi thờ hay ngủ, Ngài cứ phủ-hộ và lo-liên cho chúng tôi không thôi. Thiết tưởng sự ngợi-khen Đức Chúa Trời là một cách rất hay để bổ sức thiêng-liêng cho tín-đồ. Ai dám ca-tụng danh Chúa chắc sẽ bị nhiều người chê-cười, song thật ích lợi lắm, vì là phương-pháp thật tốt để chống-trả ma quỷ. Nên Kinh-Thánh dạy chúng tôi hãy cất tiếng thẳng trợn mà reo mừng Đức Chúa Trời.

Ông Đa-vít biểu linh-hồn đừng quên các ân-huệ của Chúa là phải lắm ; chúng tôi hay quên, nên cần có người nào nhắc lại những ơn-phước của Chúa đã ban cho mình. Thiết tưởng nếu mỗi người biên-chép những ơn-phước mình đã được một năm này mà thôi, thì sẽ có một tờ giấy rất lớn. Có nhiều câu Kinh-Thánh khuyên chúng tôi đừng quên Đức Chúa Trời và những việc lạ-lùng Ngài đã làm cho mình. «Hãy nhớ trọn con đường nơi đồng vắng mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã dẫn người đi trong bốn mươi năm này, để hạ người xuống... Vậy, Ngài có hạ người xuống,... đoạn cho an ma-na... Người khá cẩn-thận, e quên Giê-hô-va Đức Chúa Trời người...» (Phục-truyền 8). Đức Chúa Trời cũng đương dẫn chúng tôi đang hạ chúng tôi xuống, đến nỗi chúng tôi thất-vọng về những việc lành do tánh xác-thịt mà ra, vì như vậy chúng tôi mới đang ngợi-khen Ngài cũng lãnh những ân-huệ của Ngài.

II.—Hãy ngợi-khen Chúa vì những công-việc của Ngài (câu 3-7)

Đây có nói đến bảy công-việc lạ-lùng mà Ngài làm cho loài người : Tha-thứ, chữa lành, cứu-chuộc, vãn vãn. Có một điều chúng ta hãy nhớ về mấy câu này, tức là Ngài **đang** làm các việc đó, chớ chẳng phải **đã** làm, hoặc **sẽ** làm. Tạ ơn Chúa ! Xin anh chị chúng ta suy-nghĩ về bảy điều Chúa muốn làm cho loài người như dưới :

1.—«Tha-thứ các tội ác người.» Vì công-lao vĩ-dại của Chúa Jêsus trên thập-tự-giá, nên Đức Chúa Trời có thể tha tội-ác cho loài người. Đa-vít dầu phạm tội rất nặng, song hết lòng hối-cải và có đức-tin rất lớn, nên biết rằng Đức Chúa Trời đã tha hết tội mình. Nếu chúng ta giữ một tội trong lòng, không xưng nó đang được Chúa tha, thì một tội đó cũng đủ làm cho chúng ta phải buồn-bực. Người nào biết Chúa đã tha hết tội mình và đã rửa sạch lòng mình, thì vui-thỏa biết mấy ! Thật, đề mục quan-hệ hơn hết trong Kinh-Thánh là sự chuộc tội bởi ân-diễn của Đức Chúa Trời.

2.—«Chữa lành mọi bệnh-tật người.» Mọi thứ bệnh-hoạn là kết-quả của tội-lỗi, vì Kinh-Thánh tỏ rõ rằng nếu không có tội-lỗi thì cũng không có bệnh-hoạn. Song khi Chúa lập một phương-pháp cứu-chuộc linh-hồn chúng tôi bởi sự chết của Con một Ngài trên cây thập-tự, thì Ngài cũng nhờ phương pháp đó mà tiêu-trừ kết quả của tội-lỗi, tỉ như bệnh-hoạn. Nếu chúng tôi biết lòng tin-cậy công-lao của Chúa Jêsus thì chắc được những ân-huệ ấy.

3.—«Cứu-chuộc mạng sống người khỏi chôn-hư-nát.» Nguyên-bổn rằng : «Cứu-chuộc mạng sống người khỏi mồ-mả.» Cảm ơn Chúa, Đấng Cứu-thế có phán rằng : «Ta là sự sống lại và sự sống, kẻ nào tin Ta thì sẽ sống, mặc dầu đã chết rồi.» Anh chị tin đều đó chẳng ? Nếu có, thì hãy vui-mừng ngợi-khen Ngài !

4.—«Lấy sự nhơn-từ và sự thương-xót mà làm mào triều đội cho người.» Dầu Đa-vít đã đội mào triều của vua tôi,

nhưng ông biết rằng có mảo triều kia quý hơn vàng. Thật, khi ta đội mảo triều như từ và thương-xót, thì ai cũng muốn gần gũi ta, và ta sẽ có dịp rất tốt mà giúp đỡ họ.

5.—«Ngài cho miệng người được thỏa các vật ngon.» Trong câu 3, chúng ta đã thấy Đức Chúa Trời tỏ ân-diễn rất vinh-hiến của Ngài ở nơi phán-xét, và phòng bình-nhơn; trong câu 4, Ngài tỏ ân-diễn Ngài nơi mờ-mả, và trong câu 5 này, Ngài tỏ ân-diễn nơi phòng dự tiệc. Nhờ ân-diễn Chúa, chúng tôi được thỏa lòng đến nỗi «tuổi đang-thì trở lại như của chim phụng-hoàng.» Con phụng-hoàng mỗi năm đổi lông một lần, nên mỗi năm nó có bộ trẻ-trung và đẹp-đẽ lắm. Trong đời này, chúng tôi nhờ Chúa có thể được «trở lại như chim phụng-hoàng,» song ở nước thiên-đàng thì không ai phải già-cả như trong đời này. Cảm ơn Chúa lắm!

6.—«Đức Giê-hô-va thi-hành sự công-bình và sự ngay-thắng cho mọi người bị hà-hiếp.» Sự phân-xử của Đức Chúa Trời là trọn-vẹn, vì Ngài không vị-nể ai; trước mặt Ngài, người nghèo và người bị hà-hiếp cũng quý như người thượng-lưu vậy. Chỉ có thượng-phẩm pháp-viên của Đức Chúa Trời xử-đoán công-bình luôn và không khi nào sai-lầm.

7.—«Ngài bày-tỏ cho Môi-se đường-lối Ngài.» Chúa tỏ mình cho Môi-se một cách riêng; trải qua mấy thế-kỷ, chẳng ai quen-biết Đức Chúa Trời bằng Môi-se. Suốt 80 năm, Chúa đã sửa-soan lòng Môi-se, nên Ngài có thể nhờ-cậy ông, vì biết ông là người thật khiêm-nhường. Hiện nay là thời-đại ân-diễn, anh chị có thể biết Đức Chúa Trời như ông Môi-se đã biết; song thiết tưởng trước hết Ngài phải thử-thách và sửa-soan lòng chúng tôi (coi Giăng 14:23).

III.—Hãy ngợi-khen Chúa vì đức-tánh rất lạ-lùng của Ngài (câu 8-13)

Câu 8.—«Lòng thương-xót.» Theo chữ Hê-bơ-rơ, thì nghĩa là sự yêu-thương của mẹ đối với con (coi Ê-sai 66:13). «**Làm ơn,**» có nghĩa là cúi xuống như người mẹ cúi xuống đặng coi con mình đang nằm trong nôi. Chúa dùng những cách nói này đặng tỏ ra sự yêu-thương rất lạ-lùng của Ngài, vì ai cũng biết mẹ thật yêu-thương con.

«**Chậm**» nghĩa là «kéo dài,» vì Chúa không phạt liền, bèn là trì-hoãn lâu lắm, vì Ngài biết rằng cơn thanh-nộ của Ngài rất nặng, không ai chịu nổi. «**Sự như-từ.**» Trong Tân-Uớc chữ này dịch là «ân-diễn.» Ân-diễn là tình yêu-thương thiên-thượng giáng mặt tội-lỗi của loài người.

Câu 9.—«Ngài không bắt tội luôn luôn.» Chúa hết sức nhịn-nhục đối với loài người, song vì Ngài là Đấng Công-bình, nên trước sau Ngài phải hình-phạt tội-lỗi (coi Ê-sai 3:13; Mi 6:2; Giê 2:9). Dầu vậy, Ngài không giữ sự nóng-giận đó hoài.

Thật, Đức Chúa Trời đối với con-cái Ngài cách rộng-rãi lắm. Người nào quên những ân-huệ của Chúa và quên cảm ơn Ngài, thì đáng khinh-đề, vì giống như con heo đương ăn những trái cây rớt xuống, song chẳng khi nào ngược đầu lên cảm ơn cây. Khi chúng tôi lấy lòng hiếu-thảo đối với Chúa, thì Ngài đẹp dạ. Vậy, xin anh chị hằng ngày tập tỏ lòng hiếu-thảo đối với Đức Chúa Trời, và nếu có thể được, hãy thuật lại với Ngài những ơn-phước Ngài đã ban cho mình.

Thí-dụ về bài học

«Chớ quên các ân-huệ của Ngài.» Một người thâu thuế đến nhà một ông mục-sư nghèo đặng đánh thuế những đồ-đạc trong nhà ông. Mục-sư mời người ngồi; người mở một quyển sổ, và hỏi ông mục-sư:

—Sản-nghiệp của ông đáng giá bao nhiêu?

Mục-sư trả lời:

—Tôi là một người giàu-có lắm.

—Vậy, ông có đồ cao giá gì?

—Tôi được một Đấng Cứu-thế đã ban cho tôi sự sống đời đời, cùng sẵn sẵn một nhà trên nước thiên-đàng cho tôi.

—Còn gì nữa không?

—Tôi được mạnh-khỏe và được mấy đứa con biết vâng lời.

—Còn gì nữa không?

—Tôi cũng có một tấm lòng vui-thỏa, mừng-rỡ, đến nỗi khi tôi gặp cảnh-ngộ khó chịu, thì tôi không buồn-bực chút chi.

—Còn gì nữa không?

—Hết.

Ông thâu thuế đứng dậy, đóng sách lại, và nói rằng: «Ông thật là một người giàu-có, song không ai đánh thuế sản-nghiệp của ông được.»